TẠP CHÍ

Thơ

SỐ MÙA THU 1996

đặc biệt kỷ niệm năm thứ ba

Chủ Trương
Lê Bi, Trang Châu, Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải, Khế Iêm, Đỗ Kh., Trầm Phục Khắc, Nguyễn Hoàng Nam, Chân Phương, Huỳnh Mạnh Tiên, Trịnh Y Thư, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thị Thấm Vân, Ngu Yên.

Chủ Biên
Khế Iêm

Bìa
Thái Tuấn

Tạp chí Thơ số 6 phát hành vào mùa Xuân 1996, gồm 150 trang.

Thực hiện Ebook
DQT

MỤC LỤC

Tiểu Luận

Lời Nói Đầu
Vùng Chữ / Lê Đạt
Các Nhà Thơ Hiện Đại / Trần Thị Mai Nhi
Dạng Thức Thơ / Khế Iêm
Ai Chỉ Định Anh Là Thi Sĩ / Nguyễn Quốc Trụ
Nhà Thơ Của Tình Yêu Và Tình Dục / Lê Thị Thấm Vân
Thơ Cho Một Thế Giới Đang Hình Thành / Phan Tấn Hải
Làm Thơ Như Nói Với Một Người / Đỗ Quý Toàn
Nói Chuyện Với Đỗ KH. / Thụy Khuê Thực Hiện
Cách Đọc / Nguyễn Hoàng Nam

Thơ

Lê Đạt
Thường Quán
Trần Sa
Trầm Phục Khắc
Nguyễn Đạt
Lê Bi
Phan Huyền Thư
Khế Iêm
Nguyễn Đăng Thường
Joseph Brodsky
Lê Thị Huệ
Tuyết Mai
N.P
Phụ bản Ngọc Dũng

Josepth Huỳnh Văn
Trang Châu
Hoàng Cường Long
Khiêm Lê Trung
Nguyễn Chí Hoan
Roland Reutenauer
Paul Celan
Tưởng Niệm Ai Qing
Yoko Ono
Huỳnh Mạnh Tiên
Triều Hoa Đại
Đỗ Quyên
Hồng Khắc Kim Mai
Phạm Tường Vân
Nguyễn Quyên
Lưu Hy Lạc
Lê giang Trần
Cao Đông Khánh
Đỗ Kh.
Quỳnh Thi
Nguyễn Hoài Phương
Nguyễn Đăng Bảo Lộc
Đinh Cường
Trịnh Thanh Sơn
Phụ bản Hồ Minh Dũng
Lê Thánh Thư
Nguyễn Lương Ngọc
Nguyễn Hoàng Nam

Phụ bản Thái Tuấn

Mùa thu, năm thứ ba, là nhìn lại và ném tới, bước lệch ra ngoài mọi biên giới: thơ đặt lại một quan điểm, và không còn là những toa xe cứ chạy mãi trên đường rầy. Vì thế, đôi khi, thơ lạ mặt và hóa thân ngay trong thế giới thơ. Và chúng ta, những kẻ mang trên vai hàng ngàn vạn đời, cùng với thơ cất cánh, trong tâm thức chối bỏ một cõi quay về. Một câu hỏi được đặt ra, người làm thơ có rút được thơ từ quặng mỏ đời sống, qua nhiều hình thức biểu đạt, để có thể làm xao xuyến tâm hồn người? Thất bại hay thành công chỉ còn là làn ranh mờ nhạt và chúng ta phải chấp nhận như những vận động tích cực để thơ, một con buồm lộng gió, tách bến đi tới những chân trời.

VÙNG CHỮ

Lê Đạt

"Tôi tha thẩn cửa chùa Quẩn Ngữ
Lời chuộc tuổi mình
Nói thật khai sinh"

Lê Đạt

Tôi đã nhiều phần yêu thơ Đường, học thơ Đường qua những bản dịch của Tản Đà.

Công lao của ông đối với việc truyền bá thơ Đường ở nước ta là điều không ai chối cãi được.

Cũng không ai chối cãi được việc Tản Đà có những bài thơ dịch trác tuyệt. Bản dịch *Hoàng hạc lâu* đã đặt ông ngang hàng với những cây dịch đầu bảng trong văn học sử Việt Nam cỡ Phan Huy Vịnh, Đoàn Thị Điểm.

Nhưng quí trọng cổ nhân không phải là hương bái cổ nhân với thái độ vô duyên của kẻ khen phò mã tốt áo mà chủ yếu là tiếp bước cổ nhân ở chỗ cổ nhân dừng lại, bổ khuyết phần cổ nhân gia công chưa tới.

Ai cũng biết Tản Đà là một nhà thơ lãng mạn. Cái mong muốn cao nhất của ông là vượt khỏi cõi trần đầy hệ lụy đến một nơi "lá vàng rơi rắc lối

thiên thai" nào đó. Trong một cơn say lớn, ông cũng chỉ ao ước được lên cung trăng cùng thằng Cuội "nhìn xuống thế gian cười".

Ngoài thơ Đường Tản Đà còn có công giới thiệu với độc giả Việt nam một cây bút đồ sộ của nền văn xuôi Trung Hoa, Bồ Tùng Linh, tác giả bộ *Liêu Trai chí dị.*

Tác phẩm vĩ đại này hình như bao giờ cũng được in kèm với một bài giới thiệu, bài đề từ của Vương Ngư Dương. Đó là một bài thơ ngắn, vỏn vẹn hai mươi tám từ.

Hai mươi tám từ mà đủ sức cử hàng vạn từ hạng nặng của một cây bút thượng thừa như Bồ qua nhiều thế kỷ thật là một thành tích đáng kinh ngạc. Hình như chưa có ai phá được kỉ lục cử tạ này của siêu lực sĩ Vương trong bất cứ một Thế vận hội nào.

Bài thơ như sau:

Cô vọng ngôn chi cô thính chi
Đậu bàng qua giá vũ như ti
Liệu ưng yếm tác nhân gian ngữ
Ái thính thu phần quỉ xướng thi

Tản Đà dịch:

Nói láo mà chơi nghe láo chơi
Giàn dưa lún phún hạt mưa rơi
Chuyện đời hẳn chán không buồn nhắc
Thơ thẩn nghe ma đọc mấy lời.

Câu thứ tư trong bản dịch quá yếu, không đỡ nổi ba câu trên, làm sao gánh được hàng vạn chữ của Bồ.

Đây có lẽ là một trong những bài dịch non tay nhất của nhà thơ quá cố.

Cái giỏi của Tản Đà trong dịch thơ là không câu nệ chữ, lấy cái tình của mình liên doanh với tình của nguyên tác tái tạo nên những câu thơ đầy cảm xúc. Nhưng muốn vậy điều quan trọng nhất là người viết với người dịch phải đồng điệu (tức là cùng một cách chữ).

Tôi cho rằng Tản Đà và Vương Ngư Dương khác điệu.

Điệu của Tản Đà là điệu *lãng mạn.*

Điệu của Vương Ngư Dương (chí ít cũng trong bài thơ này) là điệu hậu lãng mạn. Nó là một nỗi chán chường dữ dội báo hiệu những dòng thơ điên loạn sau này.

Cái chán của Tản Đà so với cái chán của Vương mới hiền lành làm sao! Nhà thơ xứ Đoài chán lắm cũng chỉ đến mức than thở:

Đời đáng chán hay không đáng chán
Nhắp chén quỳnh ta hỏi bạn tri âm.

Chính vì thế nên mặc dù là một nhà hán học uyên thâm, một nhà thơ, một dịch giả tài năng, ông đã dịch bài thơ chưa tới. Tản Đà không bước được ra ngoài vùng chữ hiền lành của mình tới vùng chữ "quái kiệt" của Vương.

Vương nào có phải chỉ chán chuyện đời!

Liệu ưng yếm tác nhân gian ngữ

Vương chán cả ngôn ngữ nhân gian! Tức là thứ ngôn ngữ mà các nhà thi pháp học phương Tây gọi là *ngôn ngữ tiêu dùng*.

Nhà thơ họ Vương khao khát một ngôn ngữ khác. Diện mạo nó phải như thế nào? Ông chưa biết... Cho nên ông tạm mệnh danh nó là ngôn ngữ quỉ. (Chú ý: không phải quỉ thần, từ thần làm yếu sức phát xạ của từ quỉ)

Quả là "gớm" với một nhà thơ phương Đông cuối thế kỉ XVII.

Hai câu thơ cuối của Vương theo tôi có lẽ nên dịch:

Ngôn ngữ nhân gian chừng đã chán
Thèm nghe mộ vắng quỉ bình thơ.

Tôi có nói chuyện này với Phan Khôi.

Ông Tú già đất Quảng trễ kính nhìn tôi nửa tò mò nửa rõn cợt. Tôi biết như vậy là ông đã ái mộ tôi lắm vì một lần tôi đã chứng kiến cảnh một nhà học giả thời danh mời ông cộng tác viết một chuyên khảo, Phan đã đứng lên nói rất to trước mặt mọi người:

"Tôi không cộng tác với ông vì ông *giốt* lắm!"

Phải nghe cái tiếng "giốt" nhọn hoắt như chọc thủng nhĩ mới hiểu Phan Khôi là một người bộc trực dữ dằn đến mức nào.

Phan nghe xong im lặng. Rồi gật gù:

"Đúng là quái quỉ".

Ông cười hi hí, rung cả bờm râu, cái cười đặc biệt của họ Phan và mở khóa ngăn kéo hào phóng cho tôi một chiếc kẹo Tàu. Ông vừa đi dự kỉ niệm Lỗ Tấn ở Trung Quốc về.

Ít người biết Nguyễn Tuân cũng làm thơ. Nhưng thật oái oăm, con người viết văn xuôi có nét đặc sắc ấy thơ lại cổ và sáo.

Nguyễn hơn một lần tâm sự với tôi: "Mình là một poète raté" (một nhà thơ hụt).

Nhưng trước sau tôi vẫn coi Nguyễn là một nhà thơ. Nhiều đoạn trong *Thiếu quê hương* và những tùy bút của ông về Thế chiến hai có cái lấp lánh những câu thơ hay.

Thái độ trân trọng chữ của Nguyễn không phải nhà thơ nào cũng có.

Ông lại còn là một người thưởng thức thơ tinh tế.

Nhưng tôi có cảm giác Nguyễn cũng bị giới hạn bởi nhỡn quan lãng mạn chủ nghĩa như người tri kỉ lớn tuổi của ông, nhà thơ Tản Đà.

Sau khi ca ngợi bài *Sông lấp* của Tú Xương một cách khá sành điệu. Nguyễn kết luận:

"Dầu thơ Tú Xương có thể lược đi bài kia bài khác nhưng không ai dám quên, nỡ quên bài *Sông lấp*. Bởi *Sông lấp* là tiêu biểu cho hơi thơ Tú Xương.

Không ai phủ nhân Sông lấp là một bài thơ hay nhưng khẳng định nó tiêu biểu cho hơi thơ, giọng thơ Tú Xương e quá vội.

Cái hơi hoài cổ này tôi đã gặp ở nhiều người, ở Nguyễn Du, ở bà Huyện Thanh quan...ở vân vân...

Bài *Sông lấp* dù hay cũng vẫn là một bài thơ trữ tình theo thông lệ.

Cái độc đáo, cái tiêu biểu cho hơi thơ Tú Xương tôi nghĩ ở chỗ khác.

Nhà thơ Vị Xuyên đã tạo ra một tiếng nói *trữ tình mới* ở ngay những điểm chữ mà lỗ tai..."thanh tao" của chủ nghĩa lãng mạn cho là nôm na, dung tục.

Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông
Tưởng rằng ốm dậy hóa ra không
Một tuồng rách rưới con như bố
Mấy chữ nghêu ngao vợ chán chồng.

Tôi bỗng nhớ Hoài Thanh, một nhà phẩm bình thơ lãng mạn chủ nghĩa khác, khi ông viết trong Thi nhân Việt Nam:

"Cái cười của Nguyễn Nhược Pháp khác xa những lối bông lơn khó chịu của các ông Tú Xuất, Tú Xương đến Tú Mỡ. Nó hiền lành và thanh tao"

Một người khẽ khàng như Hoài Thanh mà đã phải thốt lên như vậy chắc phải "khó chịu" lắm.

Chao ôi! Tú Xuất thì có dính líu gì đến thơ!

Đến như Tú Xương và Tú Mỡ cũng không cho vào chung một bị được.

Tú Mỡ là một nhà thơ trào phóng hóm, tài ba.

Tú Xương là một nhà thơ trữ tình chính những nơi người ta vẫn quen định danh là trào phúng.

Khách hỏi nhà ông đến
Nhà ông đã bán rồi
Vợ lăm le ở vú
Con tấp tểnh đi bồi.

Theo tôi đó mới là cách thơ trộn không lẫn mà ông Tú Vị Xuyên đã góp cổ phần vào Công Ty Thơ Việt Nam.

Những cái dung tục, những cái nôm na khó chịu cất lên từ tiếng kêu xé ruột của trái tim nó làm con chữ biến động và đã "hóa" trữ tình từ lúc nào.

Chính cái cách trữ tình "cười đấy mà khóc đấy" đã tạo cho Tú Xương một vị trí hết sức độc đáo trong lịch sử phát triển thi pháp Việt Nam.

Nói vậy không phải để chê trách Nguyễn mà chỉ để nhấn mạnh rằng dù là bậc tài sư sành sỏi ông cũng không thể bước ra khỏi "vùng chữ" của mình.

Không nên quên rằng việc xác định tính cách một nhà thơ là một mò mẫm hết sức khó khăn không những với những người phẩm bình thơ mà còn đối với chính bản thân nhà thơ.

Không ít nhà thơ không định hình đã rơi rụng trên đường hành thi vì đã không nhận rõ cũng như không khổ luyện tính cách thơ của mình.

Có thể nói quá trình làm thơ là một quá trình gian khổ đi sâu vào bản thân vừa phát hiện vừa xây dựng tính cách của một nhà thơ.

Có lẽ vì thế mà một số nhà thơ đời Tống đã ví Thi pháp và Thiền pháp, cả hai đều là những hoạt động tinh thần cao thế.

Cách chữ đồng nghĩa với cách sống của người viết

Trải nhiều thế kỉ người ta thường nhắc đến giai thoại "thổi sáo" của Giả Đảo để ca ngợi kỳ công luyện chữ của ông.

Giả là một thơ thời Trung Đường đã cắt tóc đi tu tại chùa Thanh Long thành Lạc Dương. Ông là tác giả bài tứ tuyệt nổi tiếng trong đó có hai câu:

Điêu túc trì biên thụ
Tăng sao nguyệt hạ môn

(Chim ngủ cây bên nước
Sư gõ cửa dưới trăng)

Nhà thơ băn khoăn giữa chữ sao (gõ) và chữ thôi (đẩy) đến mức trên đường đi một tay thì gõ một tay thì đẩy như một thằng rồ. Bận tâm chữ đến mức đó quả thật loại người xưa nay hiếm.

Thoạt nghe thấy hay!
Nghĩ lại hơi ngợ!

Một người làm thơ lâu năm tự nguyện đến nương nhờ cửa Phật tưởng đã rũ sạch lòng trần như Giả tiên sinh mà lại băn khoăn mãi giữa gõ và đẩy sao?

Gõ: tâm bình thường.
Đẩy: tâm sao động.
Gõ: nhiều tính tăng
Đẩy: nhiều tính tục.

Làm sao ông sư họ Giả lại phải bận tâm nhiều đến thế trong lựa chọn.

Về sau mới biết ông Giả nghe lời Hàn Dũ cởi áo cà sa hoàn tục và đi làm quan.

Những băn khoăn chữ đâu chỉ đơn thuần hình thức, rất nhiều khi chúng biểu lộ nội căn của nhà thơ.

Ta có thể đổi mới lời cổ nhân và nói rằng: "Cho tôi rõ công nghệ chữ của anh tôi sẽ đoán anh là người thế nào."

LÊ ĐẠT

BÀ SẨM RỪNG

Hát
Vẫn gốc thôi chanh
bà Sẩm thơ thì xuân
con gái con trai vào cốm
trụ sở chim ngàn già

Miệng o tròn trứng cu rừng
phấp phới ổ
ngữ sắc

Sự im bà cũng phần phật
câu đoạ rồi
Ca còn bum búp mãi

X
X

Biệt danh Sẩm Xoan bà
thành danh chung rừng tự vị

Cả giờ hoàng hôn
bà bạch đàn xuân đường
tè tạch
xanh
đứa trẻ
ngẩn nghe cột dây thép

Bà khinh loài cỏ gianh
Khom mình gãi tai cọp dữ
Thuốc lú gia truyền
bầy chúa sơn lâm
Bà khai khẩu
những mộng câm
lo chăn đàn kiến nhớ
đồng lầm

Chữ hỏng thời gian hư văn
Đất lão bạc màu ngôn ngữ
Bà lặn lội giống Xoan 18
Con xanh vườn truyền kỳ
Lục hoá quê đồi trọc chữ

Lá đậu vai mùa
chim chím nửa nhành mơ
Chiều tân ước
Hạt nhân
từ mộng mở mấy chương tơ

Rừng đại nghĩa
Điệp điệp thông bay
LốI nhuỵ
Ong vàng phấn chữ
Lưng bà
xuân trĩu cong trái mộng
Tóc đàng ngà
trúc động khua thời gian

X
X

Rằng
Ngẫn âm ca bà Sẩm
lẽo đẽo ông Ban Kiểm soát

nét
ong lưng
tận cửa
Ô
xuân nhà
lần nữa cưới nhau
đôi già mới mơ…

Thẻo rượng nữ trẻ kiệt màu
mười năm tịt mùa
lắng gốc thôi chanh
ối a lòng thành
cầu tự
trang bụng non
ba tháng mẩy đòng
đêm rét dài
Sớm hộ sinh rừng
mộng
oe oe xuân
Bếp đỏ nồi viết mới
nếp mùa
Chữ cái vần vừa chín tới…

X

Bà không quên rửa tay
khi thơ
Thói thường vệ sinh ngôn ngữ
Và biết ngoảnh đi
nghĩa về kỳ ngộ
dòng biếc câu
Bà đồng tác giả
thuyết bất tử
vật lý lượng từ
Một những sáng lập viên
ngành Ngữ nghĩa học

Ơi những câu biên
lặn lội

cuối đường buồn
Vui đốm bạc
mấy bờ sông xanh
Một sáng danh từ lấp lánh
Lầm rầm cụ chăn dê
như mơ
với râu
Bà thì...là…

Nhưng đêm thanh
Chữ động
Chân hoa khuya
Nhà có ma
truyền kỳ mạn lục
Tấc lòng trăng
trở về

Và gió u ư
người thư già đãng trí
Đọclẫn vần
địa chỉ ngày xuân
Những con âm mộng du
trùng ngàn ảo sử
Bãi giấy
lòng chưa mím miệng
đại dương
Cát thổi trang triều ốc chữ.

Đầu trần
ông phó ngựa lui
ngôi phó cả
bà Sầm không dám
Tam quá ông khẩn khoản
Bà phật cườI

Cả ba ngôi cùng phó cả

Mừng bà Sẩm

8 tháng 4
lễ bà sinh bà đẻ

Cây rưỡi thanh mai
Ngô nở trắng ngày
Tổ ba
ngà ngà băng
Be he Xuân
Đàn…
Xuân

Róc rách
con nước tuổi xa
rừng cầm giữ
lòng kỳ trận chữ…

1970 Trích Lão Núi

THƯỜNG QUÁN

HỒ CẦM
(Requid cho Khoảng Lặng)

trong hồi ức một buổi chiều tháng Ba
với hai anh Hoàng Cầm, Lê Đạt, chị Dương Thu Hương và bạn B. Keller

Hồ cầm đằng sau những bức tường
những căn phòng sàn gỗ xạm, chỉ những cánh tay
ai đó đang bơi qua mặt nước tối
hay những cánh vịt trời. Sa chìm

cây gậy tre xua một đàn âm
tưởng mất tuyệt lại quẫy đập sáng.
Ánh sáng thiếp mỏng thiếp. Ra đi
từ chiếc cổ một người
bài truy điệu Requiem cho Khoảng lặng

Gió bắt đầu thổi tốc lên. Lúc ngồi
ở sân quán lộ thiên nhìn những khuôn mặt anh chị cũng gió.
Người ta sửa soạn những cánh tay, những ngón tay, đường cổ
rêu chảy mưa phông hai mặt tường chiều

mẹ để con ngồi trên chõng tre

quờ lưỡi hái trên mặt nước sấp
đừng đánh ngã bóng con u ạ
mưa đi rồi ai để lửa

con về rửa tay đi thắp hương sao mọc
đứng dậy lại một người đen thẳm lại hát
những đường gân trên cổ nổi vồng

trong căn nhà tối tiếng một người đàn ông gọi
ấm áp hơn tất cả các bài ca
tôi đã cấy cầy trên giấy đã bôi xóa

Đi đi thôi! Bước xuống một tầng cấp
một nấc nữa, xuống đường, nước chảy
lòng cống rãnh bóp nghẽn hồ cầm

Coi chừng ngã đấy, úp sấp. Đất thiêng
Thành phố đã sinh ra những người tôi đang nhìn ngắm
đứa trẻ sau cửa tháp cánh
ló đầu vào nhìn, đỏ nắng nâu au

Tháng ba ngày xám đất mẹ nằm ủ lửa
ngựa sững bờm trào bọt miệng chạy qua đồi
những người dài kháu thuôn cổ ngựa

Chiều bóng thủy trước giờ tự trầm narcissus
nước gột màu tía nước, mắt ngựa đen
đánh vòng đêm thẳm gió lau trán đá

bứt vòng thừng. Vông vông bờm lau
chạy để dấu bùn. Nấc Nấc.
Gió đánh mạn sườn. Chạy phố lên đèn. Xốc hốc phố lầu đen.

Hồ cầm chưa yên, đi hết chỗ nước mất vào bờ lạnh lại
cất lên ngọn quất rát mắt. Ồ hung bạo hung bạo
ngọn roi bên ngoài ngọn roi bên trong

Ngựa đầu than chịu bom thở dốc dộc từng bụm huyết
vầy than hồng rải khắp tuyến làng mạc
hồ cầm gió không yên con đi chuộc tội

một bờ ao một lòng hồ một biển cạn người nằm cát với cát
da thịt thế nào cho con đụng chạm
trôn ốc chạy sống lưng xoắn gập xuống ngày dại
con đi được về năm chiếu cỏ ngày trưa

đầu bện rơm, giữa bao người lùi lại
nhường một chỗ, một chân bước hụt
đất mộ trời, nghiêng ơi, tán lửa

những người bên bìa nước, chưa kịp lau mặt
nhẹ hơn bóng, nhỏ giọt, chỗ rách ở ngực
không già nữa, roi rói trẻ tươi

Tháng ba giữa các anh chị tôi đi phố cũ lên đèn bếp lửa xanh xanh
những tình nhân của đất thó mấy ai về được
đứng nhìn mưa dại hụt bàn chân

Kẻ bước lui vẫn một bước nhường: sự sống.
Chiều bá vai hôn mắt lạm dụng
điêu đứng ngựa trời

bỏ đám đông, bỏ ngày mùa hát bộ
ra ao lau ngồi hát tội lỗi được cho tuyệt dạng bầy đàn sao rời.
Chùm lông quất mặt làm dây hát lên hồ cầm được bằng giọng người
ghìm ghìm trầm trầm trong khoảng xanh tối

chỗ ném xuống một hòn đá, om mất tăm
Quay trở lại bên trong nước một mặt hồ đen thẳm
Khuôn mặt một người, lành lặn
gió yên rồi bước ra từ rựng cửa hình thoan

trăng cháy thân thể vồng đá, vàng rức
để trần, gọi những tình nhân trẻ mãi ngoài trận vong
Đừng bước lui nữa, dù một bước nhường. Cho tôi nhập một
hồ cầm, ngã vào, mộng nước tối tăm

đánh lên đầy kín mắt, tẩy thân và cứu chuộc.
Phố vàng rựng, được nhòa đi, từng người, từng đôi tay
ngoài vòng biên, níu giữ, trở về như mây khối, rung động

giữa nước. Cỏ không khuất. Ngẩng lạnh cửa sổ.
Căn phòng trống: tình yêu và tưởng niệm. Những thân đàn thẳng dọc
Đơn độc sáng hiên xanh. Không đơn độc
những cánh tay nhoài ngoài bóng nắng. Biển hồ cầm

19.3.96

CÁC NHÀ THƠ HIỆN ĐẠI

Trần Thị Mai Nhi

Xin phép vẫn phải trở lại nói về từ *hiện đại* trong thơ, bởi vì ngay trên sách báo hiện nay cũng có người nghĩ rằng, có lẽ cũng như mọi thứ hiện đại khác, thơ hiện đại là thơ có hình tượng, những ngôn từ mới nhất, hiện đại đến mức kỳ quái. Cũng như thơ *siêu thực* là thơ nói về những hiện tượng khác lạ "ở trên" (siêu) hiện thực. Lối duy danh định nghĩa không có ích gì cho khoa học. Từ hiện đại được sử dụng như vậy để nói về tính thời gian hơn là để nói về định tính của văn học. Tiêu chí để xem xét thơ hiện đại là ở chỗ nó là một thể loại thơ thuộc văn học hiện đại, thuộc chủ nghĩa hiện đại cho rằng văn học, thơ không phải như khoa học tìm tới lý trí, mà tìm tới trái tim, tới cảm quan của con người mà biểu tượng là bản năng, là vô thức, là trực giác. Thơ hiện đại khác các trào lưu thơ đã có chính là ở văn học triết học đó của nó.

Có người cho rằng để đáp ứng nhu cầu phát triển lý tính của con người Việt Nam hiện đại thì phải phát triển thơ lý tính, do đó thơ tượng trưng là không thích hợp. Nhu cầu phát triển lý tính của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa của nước ta là cần thiết không thể chối cãi. Nhưng nếu con người chỉ sống bằng lý tính thì con người còn là một thực thể loài như Mác nói không? Cái phi lý của con người nằm trong nghệ thuật, trong thơ mà cũng bị loại trừ thì con người tìm khoảng sống của mình đó ở đâu? Và như vậy thơ trong chủ nghĩa hiện đại khác gì các loại thơ đã có trước nó, kể cả khác gì với khoa học.

Trên văn đàn nước ta trong những năm gần đây đã xuất hiện một số nhà thơ có xu hướng chủ nghĩa hiện đại như Bùi Giáng, Đặng Đình Hưng, Bùi Chí Vinh, Hoàng Hưng, Dương Tường... Phần lớn thể loại thơ này ra mắt bạn đọc ở phía Nam. Cũng là dễ hiểu, bởi vì ở đây còn một công chúng chỉ cách đây ít năm đã làm quen, như Thanh Tâm Tuyền viết, với loại thơ *đi vào miền hoang dã, nơi có những vấn đề muôn thuở của con người*.

Căn cứ vào ít bài thơ đã ra mắt người đọc gần đây, Bùi Giáng cũng được kể là nhà thơ hiện đại đi theo văn học hiện đại. Thực ra ông đã sáng tác nhiều trong những năm 70 ở Sài Gòn với những tập thơ *Sa mạc trường sa, Sa mạc phát tiết*. Thời gian sáng tác khác nhau trong bối cảnh chính trị - xã hội khác nhau cũng soi rọi thêm cho người ta thấy văn học triết học của ông vẫn không thay đổi. Con người trong thơ của Bùi Giáng trước đây cũng là con người bị ném vào cuộc đời *thăng phùng khách bao hàm song song*. Hiện trạng ấy như người ta nói chẳng có lý do gì cho nên con người chỉ biết *cõi lòng mù xa*. Trong cuộc đời như giấc chiêm bao ấy, con người vẫy vùng ra sao thì văn chương của họ cũng là "thi văn nhất mộng, kim cổ không danh".

Khi nói về thơ của Bùi Giáng, Nguyễn Quang Sáng cho rằng đó là những *chiều bảng lảng*. Không nói theo hình tượng, Trịnh Công Sơn nói rõ hơn, đó là cuộc đời *vô thường*: đời người ta cứ trôi đi, cứ trôi đi. Bởi thế dù ta có phải

Bỏ trăng gió lại cho đời
Bỏ ngang ngửa sóng giữa lời hẹn hoa
Bỏ người yêu, bỏ bóng ma
Bỏ hình hài của thiên nga trên trời.

thì

Bây giờ riêng đối diện tôi
Còn hai con mắt khóc người một con.
Bùi Giáng

Đặng Đình Hưng dừng chân lại bến lạ, *những cái va-li cứ về bến lạ* (Đặng Đình Hưng). Bến lạ là vô thường, và chỉ là bến, vĩnh viễn là bến, chẳng bao giờ con người đi đến nơi an cư lạc nghiệp cuối cùng. Trong cái thế giới bến lạ ấy, không chỉ có *năm mươi tôi, năm mươi lưỡi dao cạo*, mà còn có *năm mươi khá*, *năm mươi lời, năm mươi đôi môi*. Vui buồn, sướng khổ gắn bó với nhau cho nên người ta vẫn cứ phải *xuống thuyền* để cập bến, nhưng rồi cũng *chán bến lạ* bởi vì cái nơi tạm trú ấy đầy dẫy sự phi lý được Đặng Đình Hưng miêu tả trong *Bến lạ* của mình. Đó là một đời thường thông tục, ở đấy có những con người thèm muốn vật chất và nhục cảm. Đời sống tâm linh của họ chứa chất nhiều khát vọng, nhưng không được thỏa mãn để cuối cùng rơi vào huyễn tưởng, thất vọng. Họ muốn thách thức số phận, nhưng

rồi khuất phục, đầu hàng. Họ nửa tỉnh nửa say để trở thành điên loạn. Họ muốn chạy trốn, nhưng ở cái bến lại này biết tìm đường nào để thoát, cho nên cuối cùng lại trở về mình để *vẫn cứ ỳ* trong cái bến lại ấy, đành vui thỏa với nó, chấp nhận nó ít nhất cứ *đứng bên đường ngủ quên* đi.

Cuộc đời ngang ngửa, buồn là thế, nhưng lại chẳng có duyên do nào. Nó là vô bằng, nhưng ít nhất nó cũng cho ta thấy cái phi lý của nó để mà lựa chọn, lựa chọn mãi mãi, lựa chọn đến *chín mươi mốt lần mất to, mất tuột* (Đặng Đình Hưng).

Lựa chọn mãi mãi thì một lần lựa chọn trong chốc lát cái *bế lạ* ấy có gì phải phân vân: cứ liều thân phó mặc.

Đối với các nhà thơ theo chủ nghĩa hiện đại, thơ chính là sự lựa chọn chốc lát đó, là trở về *cuộc sống tức thì*, trở về *tính tự phát trần trụi* chẳng cần bận tâm tới ý thức, tới cái gì đã định sẵn. Bởi vậy *Thơ vụt hiện* (Hoàng Hưng) chẳng biết bắt đầu từ đâu và kết thúc ở đâu. Thử đọc một đoạn Thơ vụt hiện của Hoàng Hưng sau đây: "Tay vo giấy. Sáng ù xe cộ. Săn tiếng. Trôi giạt, óc im trơ. Dù giăng gọng xé. Thét còi. Hồn tiêu tán chở vàng lang thang góc ghế. Xòe tóc nhăm nhe vứt tưởng lục. Du du...". Quả thực ta chẳng biết những cái đó *vụt hiện* từ đâu. Nhưng nếu cứ bằng lòng xem xét một cái *vụt hiện* như *trôi giạt, óc im trơ* thì ta cũng đủ thấy cái *vụt hiện* đó ở ngoài ý thức cho nên *óc im trơ*.

Người ta nói về cái buồn trong thơ Hoàng Hưng. Như chúng ta đã thấy, văn học hiện đại lấy chủ nghĩa bi quan, lấy cái buồn, lấy những con người cô đơn, con người bị thất bại làm giải pháp đối với hiện thực, đối lập với chủ nghĩa lạc quan chính thống. Đúng là cái buồn của Hoàng Hưng chẳng có nguyên nhân, nó là nguyên nhân có thể nói, nó là *chỗ sâu nhất của bản thể con người*. Nếu nói theo phân tâm học thì nó bắt nguồn từ bản năng, mà bản năng thì chẳng có nguyên nhân nào ngoài chính nó. Cho nên ở đây, nói theo hiện tượng học, người ta chỉ có thể thông hiểu mà không giải thích về nó được. Cũng có thể nói được nó là *nỗi ngứa tiền kiếp*. Nhưng không phải bất cứ cái buồn *không địa chỉ* tức bản năng nào cũng đi đến thơ, nhất là trở thành thơ hay. Còn tùy thuộc vào tài năng của nhà thơ. Mặt khác, cũng không phải tất cả cái buồn của nhà thơ, của con người đều là không đoán định nổi. Hoàng Hưng cũng nói về nguyên nhân cái buồn

là cuộc chiến tranh dai dẳng khốc liệt đấy thôi. Mà làm sao trong cuộc đời con người, tất cả cái buồn đều lại là vô bằng. Nếu vậy thì sống làm sao?

Nhiều nhà thơ hiện đại tìm tới cái buồn, nhưng tầm thước nghệ thuật của cái buồn đó ở mỗi nhà thơ lại khác nhau quá xa. Nói như Nietzsche, bản năng ở những con người có tư chất của một quyền lực sáng tạo nghệ thuật khác với *người cuối cùng*, tức là hiện nhân cổ lỗ, đáng khinh, bị nô lệ hóa.

Thơ Hoàng Hưng có cái buồn riêng tạo nên nhân vị cho ông, mà đã là một nhân vị thì không lắp lại ở ai hết, cho nên nó khác thơ cổ điển, thơ tiền chiến, *thơ chính thống*.

Nhưng nếu nó còn là *modern* thì con đường của nó không thể là con đường nào khác con đường đi vào tâm linh theo văn học hiện đại.

Thơ của Hoàng Hưng cũng như của bất cứ nhà thơ hiện đại nào cũng không thể trốn khỏi hiện thực nếu họ còn là người trần gian sống trong cái biểu hiện thực của trần gian. Chẳng ai đòi thơ phải nhiều hay ít hiện thực ấy. Người ta đều biết, giá trị hiện đại không phải ở chỗ đó, mà nói như Baudelaire, ở sự tưởng tượng, nói như Valéry, ở tinh thần, nói như Husserl, ở ý nghĩa mà con người ban bố hiện thực. Người ta đều biết hướng tìm giá trị thơ hiện đại ở chỗ nào chứ đâu ở chỗ vừa lòng hay không vừa lòng với số lương hiện thực cân được nặng hay nhẹ.

Xu hướng đi vào đại chúng của thơ hiện đại là ở chỗ đi vào bất cứ hiện thực nào kể cả cái ác, cái xấu, miễn sao ở đấy có tính chất thơ, ở đấy có thể nở ra một *cái hoa*. Thơ hiện đại coi ngôn ngữ là cái quí báu vô ngần cho nên có thể *tiêu sài* bất cứ ngôn từ nào, kể cả ngôn từ dung tục, tiếng nói đường phố, thậm chí như Bùi Giáng yêu cầu, cả *ngôn ngữ chăn trâu*. Người ta thấy trong thơ hiện đại ở một số người những từ như *hà hát*, *bang bàng, khao khao*, rồi *cốc ré, óc lói*, thậm chí những từ khó nghe như *giao hợp, ỉa, đái* v.v.. Cũng như hiện thực nói ở trên, bản thân từ phải được nhà thơ đưa lại cho nó một thi vị thì mới là cái đẹp.

Còn nếu nó *trần xì* chỉ có thế thì chẳng thể có giá trị thơ. Cái hay không phải ở chỗ *bạo hơn Hồ Xuân Hương*, mà ở chỗ khác. Thơ của *Bà chúa*

thơ Nôm có nhiều từ tục đấy, nhưng ai mà phủ nhận được tính chất thơ mà bà đưa lại cho những từ ấy. Thước đo nghệ thuật là ở đó.

Nói đi cần phải nói lại, một số *từ man rợ* xuất hiện trong thơ quả thực không có một nghĩa nào cả, nhưng chúng lại không hoàn toàn là một thứ lập dị mà có thể gọi là những cái hài tượng thanh, có âm điệu được nhà thơ sáng tạo nhằm thể hiện theo kiểu siêu diễn cảm và hài hước về sự đời. Kể cả sự chói tai của những nghịch âm, sự khổ độc cũng có vị trí nhất định trong thơ. Ở đây Hoàng Hưng đã có lý khi cho rằng ngôn ngữ thơ là sự xen kẽ giữa từ ngữ với ký hiệu, từ có nghĩa với con âm chưa có nghĩa tạo thành tín hiệu trực tiếp của những xung động tâm hồn bột phát.

Trong tiếng Việt cũng như trong nhiều thứ tiếng khác có một *qui luật* như sau: để tránh sự thô bỉ, người ta thường thay thế từ xấu bằng một từ được mỹ hóa, hoặc bằng một từ Hán Việt thanh cao (thay cho từ thuần túy Việt). Các nhà thơ hiện đại trước đây có xu hướng thần thiêng hóa thơ, thơ phải *sáng láng anh hoa* (Hàn Mặc Tử), thơ là *trí thức cao cấp* (Xuân thu nhã tập). Thơ hậu hiện đại có thể phi hiện đại, phi thượng lưu. Nhưng sáng tác nào cũng có giới hạn do cái đẹp nghệ thuật qui định. Nếu quá thì thơ làm sao còn là tinh hoa của một nền văn hóa.

Trong bài thơ *Tôi đi vào*, Bùi Giáng thơ thẩn, cô đơn đi vào cuộc đời đầy phi lý, cuộc đời *mèo cào chó cắn* - những *sự thật bình tử bình sinh*- cho nên, cũng tùy ý đặt vào cái thế giới phi lý ấy cái gì mình muốn: Bùi Giáng mà gửi cho cuộc đời *những bài thơ mèo quào chó gặm* thì thơ ấy liệu con người có *gặm* nổi không?

Dương Tường, Bùi Chí Vinh, Hoàng Hưng tìm tới thơ trong tình dục của con người, nói như nhà phân tâm học, tìm tới *tâm lý học miềnsâu* của con người. Tình dục chẳng phải là điều cấm kỵ trong văn chương. Cũng như nhiều nhà văn theo chủ nghĩa hiện đại, M.Proust cũng đưa vào nền văn chương lớn những cảnh loạn dâm làm đau, loạn dâm bị đau, đồng giới tính. Nhưng đâu chỉ là sự thỏa mãn tức thời cho ai đó, mà ông đã tạo ra một *tâm lý mây mù* về một sự mâu thuẫn trong con người yêu, thèm muốn mà không sao đạt được.

Lại một bi kịch của con người.

Có một thước đo giá trị đối với tình dục trong văn chương. Nếu cái việc ấy cũng như các hoạt động khác của con người được thực hiện chỉ dưới sự thúc ép của nhu cầu thể xác, tức thời, thì những cái đó chẳng có nghệ thuật gì, vì chúng được sản sinh ở ngoài qui luật của sự đẹp.

Tuy nhiên, thơ nói tới bản năng tình dục không thể là cớ để phủ nhận thơ hiện đại bởi vì thế giới tâm linh của con người trong thơ hiện đại đâu chỉ rặt là bản năng tình dục.

Dương Tường giới thiệu cuốn *Bến lạ* của Đặng Đình Hưng có trích dẫn mấy câu thơ sau đây của ông: *Cái bút chì ngày đêm thòi thòi thôi bú..., cái đồng hồ quả lắc khệnh khạng đưa những quả thịt chậm song song với những cái chai không... Nói thật, trong đôi guốc tôi chú ý nhất cái chặt chặt của đôi quai....* Quả thực ở đây bộc lộ một quan hệ giữa người và vật. Phải chăng đó cũng thể hiện một triết lý vô thường cho rằng khi người và vật chơi đùa với nhau thì *sự cao đạo* của con người bị phá bỏ và sự thống nhất của vũ trụ được tái lập. Nhưng nếu con người bị hạ thấp thành con vật thì nó chẳng còn là nó.

Những nhà thơ của chủ nghĩa hiện đại có tham vọng không muốn dừng lại ở cái gì *đã làm xong* rồi, cái gì *đã được nói, đã được viết*, do đó hình ảnh thơ ca phải mới nhất, khác lạ nhất: *Thế kỷ ơi! lại đây ta dắt đi chơi, cõng thốc tôi về cây số một, ki-lô-mét một* (Đặng Đình Hưng). *Cá khe nước cõng lên đồng* (Bùi Giáng). *Tuổi ba mươi như con trẻ. Mất tân vì cô điển ế, Nhớ điên cuồng mùi anh như con bò cái nhớ mùi phân rác* (Hoàng Hưng) v.v.. Và thời gian của họ trong thơ vì vậy cũng lộn tùng phèo chẳng biết đâu mà lần: hiện tại và quá khứ cùng có mặt trong tương lai, còn tương lai đã bị đóng chặt trong quá khứ.

Trong chủ nghĩa hiện đại bao giờ cũng có *sự khuyết lẩn của khoảng cách* tức câu chuyện được kể lại không theo trật tự những mối liên hệ của thời gian mà theo cảm quan chủ quan và bất ngờ của nhân vật trong thơ.

Người ta thấy ở họ một xu hướng muốn xóa bỏ niêm luật và cú pháp, thực hiện một thứ thơ tự do không giới hạn, xóa bỏ mọi hình thức đã hình thành sẵn trong nghệ thuật, trong ngôn ngữ. *Mọi từ đều được tự do*, chẳng cần nhịp, chẳng cần dấu chấm, chỉ còn nhạc, còn âm thanh

Ríu ríu cánh bàng bàng. Chấm chấm nở. Phanh phanh bay. Núm núm (Hoàng Hưng). Những từ trong thơ chỉ còn là sự xếp hạng theo lối in máy. Xin trích một đoạn thơ

Noel
Đèn
Môi em
za em
jerusalem
pha phem
hang Đức mẹ
jọt
jọt
hễ he
mùi quen
mà quên.

Tóm lại, chẳng ai muốn phủ nhận nhiều con đường đi tới thơ của những nhà thơ *hậu Thơ mới* ở nước ta. Con đường muốn đi từ cái bình thường, cái hiện thực để đến cái khác lạ, muốn vượt quan hiện thực đã quá quen thuộc, ngôn từ đã được xác lập. Dưới bộ mặt đầy mâu thuẫn ấy, người ta muốn khẳng định bản tính sáng tạo của thơ.

Nhưng cứ đà này, thơ cứ tiến theo hướng ấy thì nhà thơ và *hành vi của sự sáng tạo thơ* của họ ắt được thỏa mãn, còn người đọc muốn thưởng thức thơ thì cũng phải trông chờ *ở đời sống tức thì*, ở sự *tự phát trần trụi*. Trong trường hợp, như Octavio Paz viết: *Nếu mỗi người nói một thứ tiếng, sẽ chẳng ai hiểu gì. Đó chính là sự cáo chung của ngôn ngữ. cuộc đối thoại của những kẻ tâm thần*. Phải chăng đây là sự phản ánh cái mâu thuẫn, cái song đề nan giải của xã hội kỹ thuật hiện đại: sự bành trướng của chủ nghĩa duy lý, của sức mạnh công nghệ được bù trù bằng sự giải phóng của cá nhân dưới nhiều hình thức trong đó có *thơ ca tự do*. Một mâu thuẫn quá lớn. Nhưng trí tuệ của loài người vẫn tin rằng khủng hoảng nào thì con người cũng tìm được những giải pháp bằng những cách tân ngày một mới lạ, nhưng không tầm thường, cho nền văn hóa của mình.

trích trong chuyên luận "Văn học hiện đại, Văn học Việt Nam giao lưu gặp gỡ", Nhà xuất bản Văn Học Hà Nội 12/1994.

Ghi chú
tác giả T.T.M.N đã từ trần ngay sau khi cuốn sách của chị được xuất bản. Đây là chuyên luận đầu tiên về đề tài này được biết đến ở Việt Nam.

TRẦN SA

NHỮNG BÀI THƠ TÌNH

Chúng cứ chảy mãi
Chảy mãi qua những cánh tay
Những cánh tay không thể được ôm ấp
Chảy mãi qua thời gian
Những thời gian trống và buốt

Mặn chát như nước biển
Chúng cứ nhỏ xuống nhỏ xuống không dứt
Từng giọt
Từng giọt roi rói
Như máu tươi

Sao chúng chẳng bao giờ chịu đen bầm đi
Sao chúng chẳng chịu sẫm lại và biến mất?
Thi sĩ, kẻ ca hát mãi những lời tình buồn
Hay mi là một con bò rừng
Con bò rừng với chiếc khăn đỏ buộc
Phất phới phất phới mãi trong óc

Có gì làm dịu đi những cơn điên như thế này?
Ngoài những giấc mơ ngủ mi cứ tế cho gió
Hay cứ để những giọt mặn chát ấy tưới
Mãi xuống họng trái tim mi, rên rỉ
Khô khát!
À.., quá khô khát!

Hay cứ để mặc
Tình yêu mi chới với như những hoa mọc dại bên triền núi
Những nụ hôn mi chờn vờn như bướm đói ngoài hoang mạc
Cứ mặc chúng chết khát

Để tiếng kêu chúng có lần được là những giai điệu trầm
Giữa những tiếng nổ độc ác

Hoặc cứ để mặc chúng ngã gập
Trên những bài thơ chảy mãi chảy mãi
Từng giọt từng giọt như máu tươi
Như những vì sao
Lấp lánh lấp lánh mãi
Trong những đêm tối

Trong những đêm tối đen
Không có đôi ta

TRẦM PHỤC KHẮC

KỲ ĐỒNG

bước trở lại sân nắngnhư hai mươi năm trước bỏ thi bỏ thêm một kỳ đỗ đạt làm thí sinh mới khuya khoắt chở say đắm lui tới cho đến buổi ra trường.

NGUYỄN ĐẠT

VỀ VỚI ĐƠN DƯƠNG

tặng anh Trần Dạ Từ

Về với Đơn Dương
Chiều cuối năm, bản dạ khúc mỏi
Nguôi nghỉ trên đồi thông
Trên bãi đêm
Gió buốt sẽ tiếp tục
Ngọn đèn tín hiệu sẽ chớp tắt không ngừng

Về với Đơn Dương
Tiếng xe đã im
Dốc đèo đã khuất sau núi tối
Về với Đơn Dương lay khẽ bông hoa
Hỡi hương thơm kỷ niệm
Nhớ cùng ta

Tôi về Đơn Dương như năm tháng đã hết
Như cọng cỏ thở đêm gió tràn
Như ước mơ giấu mặt
Tôi về Đơn Dương
Ồ những bông hoa
Cớ sao khóc?

LÊ BI

THƠ TÍM

nghe tiếng ngáy của mình
lúc cả thế giới lặng thinh
vùi vào thơ tĩnh vật

trước cả thời chiến lẫn thời bình
những dòng chữ không bao giờ chịu nằm trong trật tự
mở sẵn đường vượt biên

tôi tím ngắt
trời cúi xuống những đường cong
giao cấu như cầu vồng

như thức giữa áo quan
chiếu chăn dài vô tận
trở lại viết đồng dao cho bầy dã tràng

em quá hư cấu
tôi thà ngủ với thơ mình
giữa trang giấy nổ chậm

mỗi lần yêu là sắp đầu thai lại
bắt đầu biết sợ như đàn bà sắp sinh
ra chính mình

xé trăng đêm nay ra màu sắc
tôi giả làm họa sĩ
vẽ thơ ra cuộc đời

tôi là ngàn mảnh kỷ hà khép lại

trang giấy vẫn vô định
bay lới lui cuộc đời.

HƯ CẤU

có đêm trăng quá sáng tôi phải đè nén sự dâm đãng
thân hóa tím thơ hóa xanh
sương trời và mộng
khẽ rớt giữa những ngón tay

có đêm chỗ tôi ở biến thành một bệnh viện tâm thần
những cái bóng đè nhau chồng chất
hàng ngàn cánh cửa đều khóa
tôi vẫn mất ngủ trên những hành lang

lang thang ở thế kỷ này hay thế kỷ trước cũng vậy
tôi không muốn phải đi lại từ đầu
những con trăng cũ
không chịu nhả ra

có đêm trăng tôi phải liên tục đánh đuổi chính mình
ra nằm cong cong ngoài cửa sổ
thành bong bóng vỡ
giữa trang kinh

có đêm trăng thèm yêu nhện cái
để đầu thai lại
tìm mình
trên những dòng chữ hư cấu.

CUỐI THẾ KỶ

giữ lại mấy câu thơ
thay anh mà tồn tại
thế kỷ này cũng không cần ở lại
để thế kỷ sau đọc thành dấu hiệu phù du.

KHÔNG TƯỞNG

thi sĩ bao đời đã yêu trăng
lấy cả sức thơ sức người muốn ôm trăng xuống đất
trăng chỉ là mình khi trăng không thật
cuối thế kỷ này trăng vẫn ở trên cao.

PHAN HUYỀN THƯ

TỜ CHƯƠNG TRÌNH BUỔI SLAVA
ĐÀN Ở HÀ NỘI, VIỆT NAM

Hennessy
concert series

Program

Aria
mơn trớn thịt da

Haendel
nhiều đèn
(ở đây không có thằng nào nhiều lông chân bằng anh)

Adagio và Rondo
... có một cái khuy cài sau gáy
(em không thích miệng anh ấy)

Johannes Brahms
Sonata số 2
Cung Fa trưởng
Allegro apassionato
(Bản nhạc đêm)
Nhạc rất đêm
và anh rất...
(...trong chuyện làm duyên)

Giải lao

Dmtri Shostakovich

rạp chật ních
đũng chật ních

Cung Rê thứ soạn cho cello và dương cầm
(...vẫn mặc quần hồng)

Vocalise - Rachmaninoff
... ơi!
(cần chạm vào nhau)

Sau một giấc mơ
em thấy mình choàng áo nâu-âu-sầu-qua cầu
em đã rung lên như giây đàn
anh-nghệ sĩ đàn...bà (dương cầm? tỳ-bà-hành?)
giao hợp hưởng sướng?
(giao hưởng hợp xướng)

Những người khách giang hồ
anh cầm dương vật gõ cửa
(Rostropovich búng giây đàn)
em gắng khép cửa mình ý tứ?
ừ thôi, khách giang hồ!
(đang...tha...hồ...)

30.5.96

DẠNG THỨC THƠ

Khế Iêm

Từ quan niệm về tính tương thuộc (relation) của Spinoza, mọi vật tự bản chất không tốt không xấu, có chăng là tùy theo những liên hệ của nó với từng người, đưa tới một gợi ý: chúng ta chỉ có thể nhận biết giá trị của vật này qua sự hiện hữu của vật khác. Như cái ly bên cạnh cái ấm. Hoặc một hành vi phi pháp chỉ hiện rõ khi xã hội đã có một nền tảng pháp lý. Một nền văn hóa này cọ sát với một nền văn hóa khác; những tranh chấp xảy ra từ thời kỳ thế giới phân hai không thể nhìn thấy hết góc cạnh nếu chúng ta vẫn sống với tâm thức chiến tranh lạnh và chưa có những giá trị xã hội của thời bình. Nhìn quanh, chúng ta chưa có hiện tại nên phải ném ngược về quá khứ, và cứ hoài công để tìm gỡ những mối bòng bong.

Áp dụng tính tương thuộc vào thơ, muốn tìm hiểu những giá trị Thơ Mới Tiền Chiến hay thơ tự do thời Sáng Tạo, điều duy nhất, có lẽ là đi tìm cho ra những giá trị hiện tại. Nếu không, chúng ta cứ để tâm hồn mơ mộng và vẽ ra những chiếc bóng huyền bí, luẩn quẩn trong bầu không khí sương khói với những nhận xét mù mờ, nô lệ vào cảm xúc (slavery to emotion) (đôi khi được thêm mắm muối hoặc đã bị điều kiện hóa) nhiều hơn là có một cái nhìn khách quan để nhận ra giá trị của nó.

Chúng ta thử nhìn lại thơ VN, từ thập niên 60, ở miền Nam, về hai dòng thơ chính: thơ có vần và thơ tự do. Ở thời điểm này, có hai nhà thơ nổi bật: Bùi Giáng và Thanh Tâm Tuyền. Với Bùi Giáng, kể từ *Mưa Nguồn*, đã không còn mang âm hưởng Thơ Mới. Ông đẩy thơ lên tới mức cao nhất của thơ vần, và sau này đã tạo được một ảnh hưởng nhất định nơi những nhà thơ sau ông. Thơ vần được phân nhánh, hoặc tiếp tục ảnh hưởng của Thơ Mới, chủ về cảm xúc. Hoặc chỉ nhấn mạnh ở phần âm thanh, và có khi chẳng cần chuyển chở một ý nghĩa. Thơ tước bỏ ý và tứ, chỉ đào sâu vào phần nhạc tính, nhưng là

loại nhạc tính được tạo thành bởi những âm của chữ. Sự thiên vị quá đáng vào cảm xúc và âm thanh tạo nên một lớp nhà thơ có tay nghề và công phu nhưng lại đánh mất chất tố sáng tạo. (Cho đến bây giờ, có những tác giả in hàng chục tác phẩm thơ, những tập thơ dầy hàng trăm trang nhưng chỉ là, bài này tiếp bài nọ, tập nọ tiếp tập kia, hao hao giống nhau. Hóa ra làm thơ giống như luyện bắp thịt, hát hay không bằng hay hát, và sự thành công của một nhà thơ cũng chỉ được đánh giá bằng số lượng.)

Thơ ở vào những thập niên 60, nói chung, hoặc trốn chạy thực tại, tìm về những kinh điển phương Đông; hoặc vì muốn thoát ra ngay khỏi cảm thức Thơ Mới, bị ảnh hưởng nhiều qua sách vở, đôi khi đưa vào thơ những tư tưởng của xã hội phương Tây thời bình, hoàn toàn xa lạ với hoàn cảnh một đất nước đang ở một khúc quanh lịch sử, giữa chiến tranh và đổ nát. Thơ còn nằm trong ý niệm và xa rời hiện thực.

Thơ vần sau 1975, chừng như không còn thích ứng với đời sống xã hội. Thơ tự do thoải mái hơn, chủ về ý, nhưng là ý của từng câu. Có nhiều bài triền miên những suy nghĩ đứt đoạn và khó đoán được điều tác giả muốn gởi gấm. Thơ tự do, vì là tự do nên nhiều khi có những bài dài lê thê, và tác giả cũng chỉ muốn chứng tỏ là dài. Thơ không chú trọng lắm đến các yếu tố khác, nhất là nhạc tính, và rơi vào tình trạng ít chất thơ và hồn thơ, nặng nề và làm mệt người đọc. Và giống như thời kỳ còn ở thế qua phân, người làm thơ nếu không vướng vào vòng quanh co của âm thanh thì lại mắc vào trò chơi ý tưởng.

Thơ có vần và thơ tự do, sau Bùi Giáng và Thanh Tâm Tuyền, đơn điệu trong hình thức, tạo nên một cảm giác thờ ơ nơi người đọc. Thơ dễ làm đến độ tràn lan vì chỉ cần khai thác một vài khía cạnh và không lý đến cái toàn thể. Một số nhà thơ cố làm mới loại thơ vần, đặc biệt là lục bát, như xử dụng cách chấm phết, gạch ngoặc hoặc ngắt chữ xuống hàng, nhưng cũng không xoay chuyển được tình thế.

Thơ tự do sau này, cũng chỉ thay cách suy nghĩ, nhưng hình thức và diễn tả vẫn rập khuôn như trước. Thơ vì thế, chỉ là hàng loạt những nhàm chán, như chiếc máy thơ, chạy mãi rồi cũng lỏng. Ở một số nhà thơ có cố gắng cải tiến thể thơ này, bằng cách rải chữ, ngắt câu xuống hàng, nhưng không tạo được cảm xúc nơi người đọc, có khi lại dẫm lên vết xe cũ là mang những kiểu cách thời trang phương Tây (đã có từ

nhiều thập niên trước) vào thơ Việt và người đọc có cảm giác khó chịu nhiều hơn chia xẻ.

Và hai thập niên qua, 70 và 80, đó là khoảng trống trong thơ Việt, tuy có những tập thơ đáng chú ý nhưng vẫn là sự tiếp nối, cứ đường cũ mà đi.

Ở điểm này, chúng ta mới thấy hết được vẻ rực rỡ của thời Thơ Mới Tiền Chiến. Họ đã vận dụng hết sức tài tình những cái mới từ phương Tây, chuyển thành thơ, hợp với tâm tình dân tộc. Tiếc thay, chúng ta đã không kết nối được tinh thần Thơ Mới, có lẽ vì phải trải qua một cuộc chiến khốc liệt, không có được những an bình như thời Thơ Mới. Tiếp theo là hai thập niên đóng cửa và lưu vong, người dân Việt đến lúc này có lẽ đã có những bình yên để ổn định, nhìn ra ngoài thế giới, nhận rõ những biến đổi và nhận rõ chính mình.

Ám ảnh quá nhiều bởi quá khứ, như một vết thương trí mạng, chúng ta có khuynh hướng chối bỏ quá khứ. Nhưng càng chối bỏ, chúng ta càng bị xiết chặt bởi chiếc vòng kim cô quá khứ. Vấn đề là nếu không tạo ra được những giá trị hiện tại thì chúng ta chẳng bao giờ nhìn rõ được quá khứ. Vậy thì đâu là giá trị hiện tại của thơ Việt? Và có hé mở được điều gì khác với Thơ Mới và thơ tự do thời Sáng Tạo hay không? Chúng ta thử vẽ phác vài nét, như một thử nghiệm, tuy sơ sài nhưng không chừng lại chẳng đưa thơ ra khỏi sự bất động.

*

Dạng thức (pattern) của thơ, có lẽ cũng không xa lạ gì lắm với người đọc, bởi vì chúng ta đã từng quen với thơ tự do (free verse) và thể thơ truyền thống (traditional form). Dạng thức là cách xếp đặt trật tự những câu chữ để tạo hình dạng thơ, phải đọc bằng mắt, như một bài thơ ngoài thơ. Chỉ khác dạng thức không cố định như thể thơ có vần, mà biến đổi luôn luôn. Mục đích cũng chỉ là để chắt lọc chất thơ, và xử dụng những yếu tố khác như nhạc tính. Nhưng khác nhạc tính trong thơ vần, xử dụng những âm của chữ. Nhạc tính trong dạng thức xử dụng âm của câu và của toàn bài tạo nên những sóng chữ.

Dạng thức cũng rút những yếu tố chính của thơ tự do, chủ ý, nhưng mà loại ý cấu thành được tứ thơ, để làm nên những rung động. Có thể nói, dạng thức là sự hoàn tất của thơ tự do. Sự kết hợp những yếu tố thơ

trong thơ vần và tự do là một hòa hợp rất đẹp và có thể tạo nên những bài thơ đúng thơ.

Dạng thức vừa có khả năng duy trì bản sắc thơ Việt, vừa có thể mở rộng, đón nhận những yếu tố mới trong thơ hiện đại như ý niệm về thơ thị giác (visual poetry) trong thơ cụ thể (concrete poetry). (Thật ra, tại sao gọi là thơ cụ thể thì vẫn còn là bí mật, vì loại thơ này chuyên chở những ý tưởng trừu tượng hơn là cụ thể, một hình thái duy lý, sản phẩm của văn hóa phương Tây.) Điều này chứng tỏ, người làm thơ có nhiều cơ hội để đẩy thơ đi xa và thơ, thật sự là một thế giới đầy ngạc nhiên.

Chúng ta cũng có thể thử nghiệm một vài kỹ thuật trong loại thơ gọi là projective verse, dùng những chùm chữ (word clusters) thay vì dòng (line) và những khoảng trống lớn. Chùm chữ tạo thành ý tưởng, có thể nhảy cóc qua bất cứ chùm chữ (hay ý tưởng) nào trong bài thơ. Mục đích là làm cho bài thơ trở nên đa dạng; và tùy theo sự nắm bắt và trầm tư của mỗi người làm thơ, có thể đưa tới một ý nghĩa, tái tạo lại không gian mênh mông của một thời đại, mà bây giờ chỉ còn trong trí tưởng.

Từ một dạng thức này, chúng ta có thể biến hóa ra nhiều dạng thức khác khác nhau, tùy theo sự chiêm nghiệm và nắm bắt đời sống. Bởi vì, dạng thức gắn liền với đời sống như hơi thở và sự sống. Do đó, một người làm thơ ở nơi này sẽ tạo nên những dạng thức khác với người làm thơ ở nơi khác. Điều đáng nói, là tự nhiên không khí thơ sẽ khác đi, không còn nặng nề như thơ tự do hay có vần. Và dù chúng ta xử dụng cấu trúc câu đơn giản, nhưng vẫn mới và tạo được những cảm xúc lạ. Lạ hơn nữa, là đối với thơ tự do hay có vần, thường người ta hay áp đặt lý luận vào thơ, nhưng ở dạng thức, thơ tự nó tạo nên lý luận. Và người đọc khi làm quen với loại thơ này cảm thấy thú vị khi mỗi bài thơ đều bắt gặp những yếu tố mới, kích thích sự hứng khởi. Cái khó là làm thơ sẽ khó hơn vì mỗi bài thơ đòi hỏi một dạng thức khác nhau. Nhưng cũng là điều tốt vì nhờ vậy, làm thơ sẽ không còn dễ dàng như trước, chất lượng và sự thưởng ngoạn thơ sẽ được nâng cao. Sẽ không còn những loại thơ đồng dạng, na ná giống nhau và khối lượng thơ sáng tác không còn là vấn đề người đọc phải than phiền. Nhưng nếu có kinh nghiệm ở cả hai loại thơ vần và thơ tự do thì cũng không phải là điều khó lắm. Có thể nói, thơ tự do và thơ vần cũng là một loại dạng thức nhưng bất biến và còn đơn giản nên dễ trở thành

khô cứng. Vì dạng thức đột biến không ngừng, gây một tâm lý sáng tạo và người làm thơ sẽ dễ thích ứng với những đổi thay của thời đại và sẵn sàng hòa nhập vào sự đổi thay. Thơ sẽ kết hợp được mọi yếu tố từ mọi trường phái và các loại hình nghệ thuật khác như hội họa, kịch và ngay cả những tiếng kêu, hợp với văn hóa và ngôn ngữ Việt.

Và dường như càng lúc người đọc càng cần những cảm xúc chân thực qua những biến động có thực hơn là những tưởng tượng *không thực* phát sinh từ thế giới khái niệm. Và khi đã nếm mùi đau khổ của đời sống máy móc, và mệt mỏi vì phải trả giá đắt cho những tiện nghi, con người có khuynh hướng quay về thời dân dã, hồn nhiên, thoát ra khỏi những gánh nặng lý trí; nhưng quay về theo một phong cách khác, và biết đâu lại chẳng xuất hiện một thời kỳ *tân ca dao*, như một phản động cần thiết để duy trì đời sống. Vì vốn dĩ, thơ là một thể loại phong phú hơn chúng ta tưởng, và là cửa ngõ duy nhất giúp con người thoát ra khỏi những thảm họa của nền văn minh.

*

Tôi nghe ở Miền Đông Mỹ, những nghệ sĩ tạo hình vô danh, thường điêu khắc những bức tượng bằng nước đá (ice sculpture), lóng lánh tuyết, trưng bày ở khu đồi riêng, mỗi khi trời vào Đông. Những bức tượng ấy chỉ có thể sống được một mùa, và sang Xuân, sẽ tự tan chảy vì sự thay đổi của khí hậu và thời tiết. Và cứ thế, mỗi năm, vào ngày này... Đó là hình ảnh tạo cho tôi một xúc động, dù chỉ bằng một câu chuyện. Câu chuyện này, chắc chắn chỉ xảy ra ở Mỹ, và không thể xảy ra ở những nơi khác. Và cũng vì thế, tính cách năng động của văn hóa Mỹ đã tạo nên những tìm kiếm không ngừng nghỉ ở tất cả mọi bộ môn nghệ thuật. Nghệ thuật cũng chỉ là cuộc vui chơi trong chốc lát. Nói thế, tưởng như một lời nói đùa, nhưng khó thực hiện. Từ đó có thể rút ra: phong cách của nghệ thuật là một cố gắng làm hỏng đi những gì đã có trước, bằng những sáng tác không còn vướng dấu vết gì nơi những tác phẩm cũ. Và nghệ thuật, khi đã thoát ly ra khỏi những lề thói của đời thường, chẳng lẽ lại tạo dựng một lề thói đời thường khác? Định giá hay và dở rõ ràng là một chướng ngại, nơi đó sừng sững những núi non, đền đài miếu mạo, cần phải bỏ lại sau lưng như thứ hành lý cồng kềnh làm ung ruỗng những giấc mơ.

Chúng ta hãy làm thơ như chưa bao giờ làm thơ, và cũng cứ tảng lờ như không hề có thơ, từ muôn đời, trên mặt đất (kể từ niên đại khủng long).

KHẾ IÊM

TV KÝ

bud wei ser

Cách dùng:

Đọc theo âm kêu của ễnh ương. Tước đoạt nghĩa của chữ, cả đen và bóng. Lập đi lập lại để nảy sinh hình và ý.

HÍ KỊCH

con đường
(vẽ bằng than)

NHÂN VẬT

khập khễnh giữa bàn và …… ghế
dựa hẳn ……. vào vuông chiều tàn …….. đánh
thức …… lũ tĩnh vật dậy …… bằng đủ mọi hợp âm
kỳ quái để …… nhân vật …… hiển hiện
(qua tưởng tượng, ấn tượng, lập thể, dã thú...) …… là
Hình dạng ……của bùi nhùi

nói lóng
(với nhiều thứ tiếng)
đệm thêm phần hòa âm của lục lạc
(tựa như ráp và rác)

đội nón
đi vào chỗ dễ cáu và có thể
hóa thân

hiểu thì hiểu không hiểu thì... mặc
xác

bước
(qua khoảng trắng của ảo giác)

MÀN

kéo lập tức trong nháy mắt để sao không còn để lại dấu vết nào

Lời bàn: *Con đường nguệch ngoạc vài nét tự nó đã chẳng phải chính nó. Nhân vật nhập nhằng không ra nhân vật thì hà cớ lại chồng chất thêm những biến cố. Bước, động tác giả giữa những điều không thật và được gọi là ảo giác. Đã tạo ra dấu vết rồi lại muốn xóa đi dấu vết. Toàn bày đặt những điều vô lý. Lẩm cẩm, lủng củng mới sinh ra Hí Kịch và lời bàn đầu ngô mình sở.*

KIẾM SỐNG

gánh hát
rong
hất khuôn mặt đã im
hơi (và dị hợm) đi

cồm cộm âm và nghĩa

chơi chiến thuật du
kích tỉa từng phần cho
đến khi nào thấm mệt

thì giả làm kẻ hoang
đàng loăng quăng

kiếm
sống

BƯU ẢNH
CỦA NGƯỜI ANH Ở MỸ
Nguyễn Đăng Thường

VENIZIA
Piazza s. Marco
Place S. Marco
S. Marco Square
Markusplatz

Venise 4.5.96

Anh đã qua Amsterdam, sang Rome đi vòng nước Ý (Naples, Capri, Florence, Venise, đến Milan) rồi sang Paris. Vui, nhưng mệt. Sang Pháp 1 tuần rồi về.

Anh có được thơ chú Ba. Khoa nói nhà ở Võ Tánh bán rồi, coi bộ nó phiền, không biết làm sao.

Chị Hai khóc, không có gì lạ. Cầu trời cho chú mạnh khoẻ luôn. Anh già rồi, đi 1 vòng cho biết.

Ráng sống khoẻ anh mừng.

Đạo

******* *******
* 500 * * 750 *
* * * *
* * * *
******* *******
ITALIA

Mr Nguyễn Đăng Thường
11 Delvino Road
London SW6 4AE
England

O K
SPEDISCI
QUALITA'

208 - ed. g. F. Zerella VE - Tel. 520.57.

Chú thích

Nhà nước luôn luôn hèn nhát để niêm phong nhà của việt kiều "vắng mặt", không cho thân nhân tại chỗ dọn vào, rồi bán nhà "tham ỹ" cho cán bộ.

JOSEPH BRODSKY

ĐỊNH NGHĨA THƠ

Tưởng nhớ Federico Garcia Lorca.
Huyền thoại kể lại rằng trước khi bị xử bắn ông nhìn thấy mặt trời đang lên phía trên đầu những người lính và bấy giờ ông nói:
- Thế tuy nhiên mặt trời vẫn mọc...
Đây có lẽ là khởi đầu của một bài thơ mới.

Nhìn lại một lúc cảnh vật
sau những cánh cửa sổ nơi đang cúi nhìn xuống
những người vợ chúng ta,
những đồng loại chúng ta,
những nhà thơ.
Nhìn lại cảnh vật
sau những phần mộ bạn bè chúng ta
và tuyết chậm rãi bay
khi tình yêu thách thức chúng ta.
Nhìn lại
những thác mưa hỗn loạn bò tràn
trên những cửa kính và làm rối loạn mọi nhịp,
chữ nghĩa áp đặt nhiệm vụ cho chúng ta.
Nhìn lại
trên mặt đất thiếu ân cần
cây thập giá vươn dài những cánh tay cuối cùng
căng cứng.
Một đêm trăng
nhìn lại cái bóng dài
in dáng cây cối và con người.
Một đêm trăng

nhìn lại những con sóng nặng trên sông
lấp lánh như những chiếc quần
đã cũ.
Thế rồi bình minh tới
Nhìn một lần nữa con đường trắng
chỗ hiện ra trung đội hành quyết,
Nhìn lại sau cùng
mặt trời lên giữa những cái gáy xa lạ
của những người lính.

SONNET

Tháng giêng đi qua những cửa kính nhà tù
và tôi nghe tiếng hát những người bị giam
qua những khối bê tông các xà lim:
"Một người anh em của chúng ta được tự do."
Anh lại nghe tiếng hát những người bị giam
và tiếng bước nặng nề của những cai ngục không nói lời nào,
và chính anh, anh lại hát:
"Vĩnh biệt, tháng giêng."
Quay mặt về phía cửa kính,
anh lại uống khí ẩm, từng ngụm.
Còn tôi, lần nữa, tôi lê bước trên một hành lang,
đem trầm tư hết buổi hỏi cung này
đến buổi hỏi cung khác đi về miền đất xa
không có tháng giêng, tháng hai, cũng chẳng có tháng ba.

THƠ

Vĩnh biệt
Hãy quên ta,
Hãy tha lỗi cho ta.
Hãy ném thư ta vào lửa
như người ta đốt mặt đất khi đã đi qua.
Con đường người đi hãy là con đường dũng cảm
thẳng tắp và giản đơn,
trong sương mù
hãy cháy sáng cho người
những ngôi sao tạp nhạp,
hy vọng hãy
sưởi nóng những bàn tay của người
bằng ngọn lửa người đốt chung vui.
Hãy lao tới trong bão tố
trong tuyết và trong mưa
trong lửa hừng hực cháy,
và hãy biết tìm thấy
thắng lợi
nhiều lần hơn ta.
Sức mạnh
những trận chiến hãy
thét gầm trong ngực người.
Hạnh phúc cho những ai
ngày mai sẽ dấn thân
theo bước chân của người.

SONNET

Chúng ta lại sống gần vịnh,
mây bay qua phía trên chúng ta,
Núi lửa Vésuve vĩnh cửu lại bắt đầu gầm thét,
bụi phủ đầy những đường phố nhỏ
và những cửa kính trên các đại lộ rung chuyển.
Tro than sẽ quay cuồng trên đầu chúng ta.
Bấy giờ anh muốn nhảy lên một chiếc xe điện,
chạy bay ra khu ngoại thành,
bước vào phòng em
để ngàn năm sau
những nhà bác học đào bới những phế tích thành phố
sẽ tìm thấy chúng ta hai người ôm chặt nhau
lâu hàng thế kỷ
dưới đống tro than hãy còn ấm lửa..

LÊ THỊ HUỆ

LÃNG MẠN VỚI NGHÈO ĐÓI

Vẫn tiếng mưa sột soạt trên mái lá
Bầy sẻ gù đứng trú dưới hiên xưa
Người dấu thời gian dưới tàn cây ủ mục
Bay qua bao triều hưng phế

Về lại đây vẫn chiếc guốc gầy lẹp xẹp
Gõ dĩ vãng ôm eo chậm tương lai
Nghe lòng thổn thức
Nát nhầu sầu ước nhớ một tương lai

Ai đứng khum chân trên những chiếc cọc nhọn
Những hạt ngô cong đuổi bắt nhau nhau ngoài cánh đồng
Cơn đói quặn thắt trong mắt người đàn bà
Lõa lồ trước ống kính phóng viên khách ngoại
Giọt nước mắt bay qua muôn nghìn đói khát
Nghe thật gần cung minor điệu Tự Lực Văn Đoàn
Gục chết một Chàng Sinh Cốm Vồng Thạch Lam Yên Phụ
Ôm nhau ngủ giữa những cơn đói bụng
Da giòn rực rỡ ấm một bụng thơ tình nhân

Hà Nội thời mở cửa
Đẹp nghiêng nghiêng nhan sắc phấn hương bèo
Tôi hùa theo bầy nghệ sĩ đứng ngó bên lề đường
Hợp xướng đàn ăn xin qua đường tình Cổ Ngư
Hồ Gươm mắt biếc mộng
Ảo giác như chiếc lưỡi lam
Xé những vung lụa bay rợp mái hiên xanh
Phố cổ thập thành hết thời
Vẫn tay nghiêng che dáng sầu nghèo đói

Tôi đạp lên tiếng đàn lòng mục tử
Bầy trâu biểu tình ngang thành phố
Thổi điệu ngưu tiều ám cốt ma tang
Quá vãng quá khứ quá những gì quá thời nữa
Rống tiếng sáo chiều lay động phế thân lao đao
Khung bố quần rách đàn bà triễn lãm tranh xứ chùa miếu

Tôi hát khàn khàn theo cơn mưa chợt đến
Đàn trâu vừa mới đi ngang
Tháng sáu hè đã lâu
Cây sấu chờ môi hôn
Đọt non quay những cành lịch sử
Nhú trong mắt người bán hàng
Chút son hồng kiểu cách
Hà nội ngựa ơi là ngựa

Hà Nội 6/1995

TUYẾT MAI

IM LẶNG

những ngày anh không đến

im lặng trùm lấp không gian
        mọi vật trở thành vô vị
im lặng bao phủ thời gian
        đời sống bất động đóng băng
im lặng bủa vây em
        làm em nghẹt thở
        giết em từng giờ

im lặng
ôi thật đáng sợ

đó là âm thanh vỡ nát
        của những tháng năm xưa dịu dàng
        của chùm hoa hi vọng tương lai

đó là tiếng kéo lê sền sệt của đời sống rỗng không
        là tiếng thét trong các trận địa tâm hồn khốc liệt

ôi IM LẶNG
        là sự thiêng liêng của bao điều chưa nói hết

hay chính là
        lũ vết thương vô hình
                tàn phá đến VÔ BIÊN.

N.P

TRẮNG ĐEN

Cùng Anh Lê Bi, Khế Iêm thăm nhà văn Mai Thảo

Vào bệnh viện sáng nay
Những bước đi vội vàng tìm kiếm
Con số nào là đúng là sai
Bức tường sơn trắng
Nắng cuối mùa đang chuyển mình đứng dậy
Phía sau những bậc thềm
Cánh cửa tự khép chặt
Người nữ y tá đang hóa trang
thành một khuôn mặt khác
Hoàn toàn trắng
Sợ Chúa nhận diện – phiền trách
Khi Chúa ghét những thứ làm bằng cao su
Những thứ bội phản công trình sáng thế
Sứ giả rao giảng lời Chúa đang khoác
lên mình những áo chùng đen
Sẽ không có sự mặc khải trên những màu trắng – những
thứ làm bằng cao su
Trong những trá hình đó
Môi người có hồng
Bàn tay người còn có những ngón búp măng
Sự mặc khải – trắng và đen
Người đời sẽ chọn những gì cho phải lẽ.

THÓI QUEN

Em đường nét kỷ hà
Qua trí tưởng anh chiều nay
Thứ tư
Nhớ
Vô vọng nhưng vẫn chờ mong
Có đôi lúc không ngờ
An ủi mình vậy
Hơn nữa đời rồi có những không ngờ nào
đến với mình đâu
Xe cộ nối đuôi nhau
Thằng bé lên ba bập bẹ
Xe lửa chạy
Những tro tàn trong đầu chở nặng bao nỗi nhớ
Mờ ảo ký ức
Em vẫn đóng khung
Thứ tư
Trăng tròn – thành phố sáng đèn
Lơ lửng – hàng cây soi bóng
Một cái gì rất thiếu
Thứ tư.

Phụ bản Ngọc Dũng

AI CHỈ ĐỊNH ANH LÀ THI SĨ?

Nguyễn Quốc Trụ

Tưởng niệm Joseph Huỳnh Văn

Đầu tháng 3/96, buổi tưởng niệm thi sĩ Joseph Brodsky (1940-1996), Nobel văn chương 1987, tại nhà thờ St. John the Divine, New York, có lẽ đã đúng như ý muốn của ông. Thay vì cuộc sống vị kỷ, những người bạn của ông đã nhắc nhở nhau về những ân cần, chu đáo, the achievement – the *language* – *ngôn ngữ* của người chết:

> *Death will come and will find*
> *abody whose silent peace*
> *will reflect deathapproach*
> *like any womanface*.
>
> (Chết sẽ tới và sẽ thấy
> một thân hình mà sự bình an lặng lẽ
> sẽ phản chiếu bước thân cận của cái chết
> như khuôn mặt của bất kỳ một người đàn bà nào.

Tuy sống lưu vong gần như suốt đời, ông được coi là nhà thơ vĩ đại nhất của cả nửa thế kỷ, và chỉ cần ông sống thêm bốn năm nữa thôi là thế kỷ "*của chúng ta*" có được sự tận cùng trọn vẹn. Ông rời Nga xô đã hai chục năm, cái chết của ông khiến *căn nhà Nga* bây giờ mới thật sự trống rỗng.

Ông sang Mỹ, nhập tịch Mỹ, yêu nước Mỹ, làm thơ viết essays bằng tiếng Anh. Nhưng nước Nga là một xứ sở đáo để, (*Chắc cũng đáo để không thua gì quê hương của mi*...): Anh càng rẫy ra, nó càng bám chặt lấy anh cho tới hơi thở chót.

Đúng là trường hợp J. Brodsky.

– Bao giờ ông sẽ về?...
– Có thể. Tôi không biết. Có lẽ. Nhưng năm nay thì không. Tôi nên đi. Tôi sẽ không đi. Không ai cần tôi ở đó.
– Đừng nói bậy. Họ sẽ không để cho ông một mình đâu. Họ sẽ công kênh ông trên đường phố... tới tận Moscow... Tới Petersburg... Ông sẽ cưỡi ngựa trắng, nếu ông muốn.
– Đó đúng là điều khiến tôi không muốn đi. Và tôi không cần bất cứ ai ở đó.

Theo Tataya Tolstaya, nhà văn nữ Nga hiện đang giảng dạy văn chương Nga và *creative writing* tại Skidmore College, thoạt đầu, ông rất muốn về, ít nhất cũng như vậy. Cho dù ông đã từng nổi giận trước những lời trách cứ: *Họ không cho phép tôi về dự đám tang ông già tôi. Mẹ tôi chết không có tôi ở kế bên. Tôi hỏi xin nhưng họ từ chối.* Cho dù như vậy, lý do, theo T. Tolstaya, là ông không thể về. Ông sợ quá khứ, kỷ niệm, hồi nhớ, những ngôi mộ bị đào bới. Sợ sự yếu đuối của ông, sợ hủy diệt những gì ông đã làm được, với quá khứ của ông, trong thi ca của ông. Ông sợ mất nó như Orpheus đã từng vĩnh viễn mất Eurydice, khi ngoái cổ nhìn lại.

Vẫn theo T. Tolstaya, mỗi lần bà từ Nga trở về Mỹ, hành trang của bà chật cứng những bản thảo của thi sĩ, văn sĩ trẻ. *Cũng không nặng gì lắm đâu. Xin trao tận tay thi sĩ. Nói ông ta đọc. Tôi chỉ cần ông ta đọc.* Ông đã đọc, đã nhớ và nói với họ rằng thơ của họ tốt (good). Và trả lời phỏng vấn. Và ngợi ca điều may mắn. Và những nhà thơ trẻ hất hất cái đầu, đại khái: *Thực sự chỉ có hai nhà thơ thứ thiệt tại Nga, J. Brodsky và* chính tôi! Ông tạo nên một cảm tưởng giả, ông là một thứ Bố Già văn nghệ. Nhưng chỉ một số ít oi thi sĩ trẻ đã từng nghe ông rên rỉ: *Sau* cái thứ này, *tôi chắc chắn anh ta có thể tiếp tục viết. Nhưng làm sao anh ta tiếp tục sống*.

Ông đã không tới với nước Nga nhưng nước Nga tới với ông: Nhà thơ Nga kỳ cục không muốn bám rễ vào đất Nga. *Strange*, kỳ cục thật, bởi vì, đã từ lâu, thế hệ lạc loài được Hemingway mô tả trong *The Sun also Rises* vẫn luôn luôn là một ám ảnh đối với những kẻ bị bứng ra khỏi đất: Nếu không trở nên điên điên, khùng khùng thì cũng bị thương tật (bất lực, như nhân vật chính trong *Mặt Trời vẫn Mọc*), *bị bệnh kín (La mort dans lâme*), và chỉ là những kẻ *thất bại (ratés)*. Đám CS trong nước chẳng vẫn thường dè bửu một nền văn chương hải ngoại?

Nhưng J. Brodsky là một ngoại lệ. Nước Nga đã đến với ông. Thơ của ông được xuất bản, đăng tải trên hầu hết báo chí tại Nga. Trong một cuộc thăm dò dư luận tại đường phố Moscow: *Ông có mong ước gì liên quan đến cuộc bầu cử* Một người thợ mộc đã trả lời: *Tôi chỉ mong sống một cuộc đời riêng. Như Brodsky*.

– *Ai chỉ định anh là thi sĩ?*

Đám người CS Liên Xô đã từng hét vào mặt ông như vậy tại phiên tòa. Họ đã không thèm để ý đến những tài liệu, giấy tờ chứng minh từng đồng *kopech* ông có được qua việc sáng tác, dịch thuật thi ca.

– *Tôi nghĩ... Tôi nghĩ có lẽ Ông Trời (God).*
–

Được thôi. Và tù đầy. Lưu vong...

Neither country nor churchyard will I choose
Icome to Vasilevsky Island to die
J. Brodsky

(Xứ sở làm chi, phần mộ làm gì
Ta sẽ tới đảo kia để chết)

In the dark I wonfind your deep blue facade
Ifall on the asphalt between the crossed lines
J. Brodsky

(Trong đêm tối thấy đâu,
em xa thẳm hững hờ
Ta gục xuống nhựa đen,
giữa đôi bờ sinh tử)

"The crossed lines", hay rõ hơn, "*the crossed Russian-American lines of an emigrédouble fate."*

– Này, thi sĩ, nếu ông muốn về không ngựa trắng mà cũng chẳng cần đám đông reo hò ngưỡng mộ, tại sao ông không về Petersburg theo kiểu incognito?
– Incognito?

Đột nhiên Brodsky hết tức giận, và cũng thôi nói chuyện khôu hài. Ông chăm chú nghe:

Thì cứ dán lên một bộ râu, một hàng ria mép, đại khái như vậy. Đừng nói cho bất cứ một người nào. Và rồi ông sẽ dạo chơi giữa phố, thảnh thơi và chẳng ai nhận ra ông. Nếu hích thú, ông sẽ gọi điện thoại cho một người bạn từ một trạm công cộng, như thể ông đang từ Mỹ gọi về. Hay gõ cửa nhà bạn: " Tớ đây nè. Nhớ cậu quá!"

Joseph Huỳnh Văn là một thi sĩ. Chúng tôi quen nhau những ngày làm Tập san Văn Chương. Có Nguyễn Tử Lộc, đã mất vì bệnh tại Sàigòn ngay sau 75. Phạm Hoán, Phạm Kiều Tùng, Nguyễn Đạt, Nguyễn Tường Giang... Trong bài viết về bài thơ *Ta Về* của Tô Thùy Yên, Nguyễn Tiến Văn đã nhớ lộn là Tạp chí Văn Chương và anh coi PKT là người chủ biên. Sự thực, J. HV là Tổng thư ký. Không có PKT, tập san không có được một ấn loát tuyện hảo. Nguyễn Đông Ngạc khi còn sống vẫn tự hào về cuốn *20 năm Năm học Miền Nam* do anh xuất bản. PKT, PH lo in ấn, trình bày bìa: Bạn lấy đầu cây kim chấm một đầu trang. Dấu chấm đó sẽ xuyên suốt mọi đầu trang thường của cuốn sách. Vẻ trang nhã của Tạp chí Thơ hiện nay là điều ngày xưa Tập san Văn Chương hãnh diện. Không có NTG thì không đào đâu ra tiền và mối thiện cảm độc giả, thân hữu, than chủ quảng cáo dành cho tờ báo. Những bài khảo luận của Nguyễn Tử Lộc và sở học của anh từ những giòng thác ngầm của nhân loại, giòng văn chương Anglo-Saxon, làm ngỡ ngàng đám chúng tôi, những đứa chỉ mê đọc sách Tây, như một căn bệnh ấu trĩ nhằm tỏ sự khó chịu trước sự có mặt của những quân nhân Hoa Kỳ tại miền Nam. J. HV và lối nói *mi mi, tau tau* là chất keo kết hợp anh em. Bây giờ nghĩ lại, chính tinh thần thơ anh mới là tinh thần Tập san Văn Chương. Đó là nơi xuất hiện *Cầm Dương Xanh*, những bài thơ đầu tiên và có lẽ cũng là cuối cùng của anh, bởi vì sau đó anh không đăng thơ nữa, tuy rằng chắc chắn vẫn làm thơ hoặc tìm thấy thơ trên những vân gỗ trong khi anh làm nghề thợ mộc, những ngày sau 75, thay cho nghề bán cháo phổi, những ngày trước đó.

> *Mỗi thời đại, con người tự chọn mình khi đứng trước tha nhân,*
> *tình yêu, và cái chết. (A chaque époque, lse choisit en face d, de let de la mort. Sarte, Situations).*

Trong thơ Nguyễn Bắc Sơn, tha nhân là những người ở phía bên kia bờ địa ngục và chiến tranh chỉ là một cuộc rong chơi. Nguyễn Đức Sơn tìm thấy cửa thiền ở một chỗ khác (ở *Đêm Nguyệt Động* chẳng hạn). Thanh Tâm Tuyền muốn trút cơn đau của thơ vào thiên nhiên:

Mùa này gió biển thổi điên lên lục địa

Còn J. Huỳnh Văn, có vẻ như anh chẳng màng chi đến cuộc chiến hoặc là cuộc chiến tránh né anh, (Tinh thần *lqui écoute* của Blanchot?):

Ôi khúc cầm dương sầu quí phái
Đàn ai xanh ngát Trời Tây Phương

Và tôi vẫn còn ngạc nhiên, sững sờ cho đến bây giờ khi được tin anh đã mất.

Khi liên tưởng đến câu thơ của một cô bạn:

Hồn Đông Phương thất lạc buồn Phương Tây
Thơ Trần Kim Anh

Tôi không biết có phải *Trời Tây Phương* của anh là lấy từ ý thơ cổ:

Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương

(Có thể mượn ý niệm *con người hoàn toàn (ltotal)*, hay giấc đại mộng của Marx làm nhịp cầu liên tưởng , để thấy rằng Mỹ nhân, Đấng quân vương, Thánh chúa... trong thi ca Đông phương không hẳn chỉ là giấc mộng ngông cuồng của thi sĩ):

Vọng mỹ nhân hề, thiên nhất phương
Vọng mỹ nhân hề, vị lai

Đọc trong nước, có vẻ như Thơ đang trên đường đi tìm một Mỹ nhân cho cả ngôn ngữ lẫn cuộc đời.

Và *Buồn Tây Phương* có thể từ ý thơ Quang Dũng:

Mắt em dìu dịu, buồn Tây Phương.

(Tây Phương trong thơ Quang Dũng là Tây Phương cực lạc của một cõi Chùa Thầy, Sơn Tây và cũng là vẻ đẹp của các cô thiếu nữ vùng này).

Hay Tây Phương đây chính là cõi
lưu đầy của lũ chúng tôi mà anh đã nhìn thấy từ bao năm trước:

Khuya nức nở những cõi lòng không ngủ
Đợi vì sao dậy sớm tiễn người đi
Thơ Joseph Huỳnh Văn

– *Đây tau đây này. Nhớ mi quá*!

Toronto 22/4/96

JOSEPTH HUỲNH VĂN

VÔ ĐỀ

Trời xanh ngập ngừng như muốn nói
Ngàn năm ấp úng dáng mây trôi
Lòng tôi e có chi muốn hỏi
Muôn thu ngơ ngác đứng bên đời …

VÔ ĐỀ

Máu đào ai thắm trên sông
Mà em giặt áo chờ mong người về
Chao tay trong áng giăng thề
Có nghe hồn lụa não nề huyết xương

*

Ngàn năm e vẫn còn vương
Trên sông trầm lặng chút hương máu nồng.

TRANG CHÂU

QUANH QUẨN VỚI TÌNH

Anh không phải là gã
đa tình
Anh chỉ là người tình
Yêu những nét
đa nguyên

Không phải anh là kẻ không
chung tình
Anh chỉ là người
yêu những mối
tình chung

Nếu em bắt anh
từ giã em
anh sẽ quay mình lại
và đi những bước
giật lùi

Dấn thân vào yêu đương
như dấn thân làm
cách mạng
Chỉ nên biết
tình đi
Đừng nên hỏi
tình về

Bởi tình yêu hôm nay
Thay hối xuất
từng ngày

anh xin đến với em
bằng con tim
thả nổi

HOÀNG CƯỜNG LONG

ĐỒ THỊ

Tặng bạn

Trên mây, dưới đất
Sao bay căn phòng chật
Phía này đỉnh xuôi là đỉnh phía kia
Cơn sóng mãi đâu có thấy chia lìa
Theo thủy triều theo trăng sao cố định
Theo ngọn lửa theo đường của vân tay
Không hết ống mực bi những đường ray
Quay cuồng mãi tối ưu trong mọi kiểu
Còn khoảng trống vô cùng chẳng lấp đầy
Vết hương giời, cá lượn, chim bay
Tay vung hết không ra ngoài trang giấy.

KHIÊM LÊ TRUNG

MÙA XUÂN ĐEN

Thả hào phóng giấc ngủ
Nốc cạn ly rượu,
Xuống phố.

Phố sặc sỡ xuân trên gương mặt lô nhô hotel--cao ốc
Nhồn nhộn người ngợm nhảy nhóc
Khỉ đột.
Nhăn nhở cười tín hiệu
Đèn đỏ.
Giấc mơ âm ba mươi độ không, thôi bọt, những mạch máu sần sùi
Chào cuộc đời đi qua những cột mốc cuối cùng thế kỷ.
Ly rượu chào đời ta!

Còn đâu niềm thiết tha tiếng dế mèn cũ rích
Lũ đom đóm chập choạng bay từ giã vườn khuya
Tôi mượn gốc cột đèn và giải bày những giấc mơ
Trí nhớ bốc hơi trên mặt nước se vàng, sủi bọt...

NGUYỄN CHÍ HOAN

HOA CHUỐI

Kính tặng anh K.D

Anh ở rừng anh có nhớ rừng không?
lác đác bờ xanh chìa hoa chuối đỏ
rừng già theo anh vẫn trẻ cùng em đó
"Việt Bắc" - trong đầu và "Việt Bắc" - trên môi

Có lẽ khác nhau chỉ một điều ấy thôi
hoa chuối vẫn đỏ vẫn là chung biểu tượng
năm ấy em ngồi trên đá suối trơn rêu
ngắm hoa chuối lạ lùng man mác niềm yêu

Qua những thăng trầm thấy anh cười tự tại
chợt nhớ đến hoa kia - vị chát rừng già
em mơ mộng, ngây thơ so sánh vụng thật thà
hoa chuối có chi mà quàng xiên số phận!

Người yêu, ghét, thờ ơ nhưng rừng không tức giận
hoa chuối nhắc riêng em vì em thấy, em tìm
"Việt Bắc" trong đầu anh, còn em môi vừa nếm
vị chát rừng già nơi anh đã lặng im.

NHÀ THƠ CỦA TÌNH YÊU VÀ TÌNH DỤC

Lê Thị Thấm Vân

Nizar Kabbani được xem là nhà thơ Ả Rập ảnh hưởng nhất và danh tiếng nhất của thời hiện đại. Với sự nghiệp kéo dài năm mươi năm ông đã xuất bản năm mươi tập thơ, và được xem như là nhà thơ tình vĩ đại nhất của Thế giới Ả-Rập. Kabbani đặc biệt luôn luôn tranh đấu cho nữ quyền, thúc giục người đàn bà phải đứng lên làm chủ đời sống, thân thể, và định mệnh của mình. Ông chủ trương giải phóng phụ nữ sau nhiều thế kỷ ngự trị bởi đàn ông trong Thế giới Ả-Rập. Kabbani khai sáng sự thay đổi thái độ đối với tính dục, nhục dục và quyền của người đàn bà được ngợi ca sự hoan lạc của tình yêu. Kabbani cho rằng tự do của thân thể là con đường dẫn đến sự tự do tâm linh cho tất cả mọi người, vì thế ông chủ trương phải giải phóng thế hệ mới thoát khỏi sự dồn nén, sợ hãi, và xóa bỏ mọi cảm giác tội lỗi, lúng túng đối với tình dục.

Tình yêu luôn luôn là chủ đề chính trong tác phẩm của Nizar Kabbani. Ông thiết lập tình yêu như là một chủ đề độc lập trong thơ Ả Rập hiện đại, và bỏ cả đời để phát triển, khai phá chủ đề này. Ông luôn luôn nỗ lực tìm hiểu đàn bà, cũng như cố gắng thay đổi mối liên hệ giữa đàn ông và đàn bà thành một mối liên hệ cởi mở hơn, dù phải đối đầu với nhiều vấn đề phức tạp, rắc rối ở xứ sở ông. Kabbani đã dành cả đời ông cho phụ nữ bằng cách chia sẻ tình cảm và vấn đề phụ nữ qua những tác phẩm của ông.

Nizar Kabbani sinh tại Damascus, Syria, ngày 21 tháng 3, 1923. khi còn bé Kabbani đã yêu thích âm nhạc và hội họa. Ông thường nằm trên

giường và, trong trí tưởng, tự vẽ ra những đường nét và hình dáng trong bóng tối, sáng tạo ra những màu sắc và hình thể mới. Những trầm tư về màu sắc sau này hiển lộ trong thi tập *Vẽ Bằng Chữ*. Kabbani viết bài thơ đầu tiên vào năm 1939 lúc mới mười sáu tuổi trong một chuyến du hành từ Beirut sang Ý. Kabbani tốt nghiệp cử nhân luật khoa tại Đại Học Damascus. Tuy nhiên, ông không thích môn học này và thuở còn đi học hay nguệch ngoạc những bài thơ tình bên lề sách vở khi ngồi nghe giảng bài trong lớp học.

Năm 1944, Kabbani xuất bản tập thơ tình đầu tiên ở Damascus. Trong tập thơ này nhà thơ hai mươi mốt tuổi đã mô tả việc ông khám phá ra thế giới của đàn bà và thế giới của tình yêu. Tập thơ nầy hình ảnh tính dục, được xuất bản trong thời kỳ tình yêu và tính dục là chủ đề bị cấm đoán trong xã hội Ả-Rập, nhất là giữa giới trẻ. Tập thơ bán hết trong vòng một tháng. Những bài thơ trong tập thơ này lan truyền nhanh chóng, và bài thơ *Ngực em* đã khiến Kabbani lừng danh như sóng cồn:

Hãy mở kho báu ra!
Để trần bộ ngực cháy bỏng của em
Đừng dập tắt ngọn lửa bị giam tù.
Ngực em là hai bức tranh tuyệt vời nhất
Hai trái cầu bằng tơ dệt buổi sáng độ lượng
Cho nên hãy đến gần anh hỡi con mèo nhỏ

Hãy buông thả mình
Đến gần
Suy nghĩ về số phận của bộ ngực em
Mỗi khi chuyển mùa
Đừng sợ
Dại dột thay là cô gái che dấu bộ ngực của mình
Và để tuổi xuân qua đi mà không được hôn.
Tôi kéo thân thể nàng sát vào mình
Nàng không chống cự không nói năng
Ngây ngất nàng ngả ngớn trên người tôi
Và hiến dâng bộ ngực run rẩy
Và nói trong cơn mê đắm
"Em không cưỡng được chạm vào lửa".

Sinh viên tụ tập đọc bài thơ này của ông, chép trong sách vở, và thơ của Kabbani xuất hiện trên bảng đen trong những trường học ở

mamascus. Sự ra đời của tập thơ này đã thiết lập Kabbani như là nhà thơ tình nói về những vấn đề xã hội. Tập thơ gồm 28 bài viết bằng thể mới, giản dị, trực tiếp và thành thật xuất hiện vào cuối thế Chiến Thứ Hai khi xã hội Damascus đang trải qua một cuộc chuyển hóa. Cho đến giữa thế kỷ hai mươi, đời sống văn chương vẫn cách biệt với đời sống quần chúng vì được uốn nắm bởi những ước lệ cổ xưa. Kabbani hiện thân cho những nhu yếu của thế hệ mới đòi hỏi xã hội phải cởi mở và tự do. Ông phá vỡ những thành lũy câm nín về tình yêu, tính dục và xây dựng một nền thơ tình giải phóng hiện đại. Điều này đã tạo ra những rối loạn ở Syria và các xứ Ả rập khác, đồng thời ông cũng bị phía bảo thủ công kích dữ dội.

Kabbani dùng chữ nghĩa bình dị và thể văn giản dị để giới thiệu một cú điệu mới. Xuất bản một tập thơ như vậy ở Damascus vào thập niên 40 đòi hỏi rất nhiều can đảm và bạo dạn, bởi vì Kabbani đã tách mình ra khỏi những giá trị công ước của xã hội cùng những luật lệ cứng nhắc của thi ca, và các chủ đề truyền thống hiện hữu lâu đời.

Thế giới Ả-Rập luôn luôn nôn nóng chờ đợi bài thơ kế tiếp của Kabbani, bất cứ là chủ đề gì. Thơ của Kabbani xâm nhập ở những quán cà phê, đường phố, trường học, và cả công sở. Thật khó tưởng tượng thế giới Ả-Rập nếu không có Nizar Kabbani. Hiện Kabbani sống ở Anh Quốc. Những bài thơ trích dịch sau đây được lấy ra từ các tập thơ của Nazir Kabbani, Arabian love Poems (Colorado prings: Three continentws Press, 1993) và Salma Khadra Jayyusi, Modern Arabic Poetry: An Anthology (New York: Columbia University Press, 1987)

THƠ

Hỡi em yêu
Nếu như em ở cùng một mức độ điên cuồng với anh,
Hãy vứt bỏ nữ trang,
Bán đi tất cả những vòng đeo tay của em,
Và ngủ trong mắt anh.

*

Tình yêu của em,
Hỡi em với đôi mắt sâu thẳm,
Cùng cực,

Huyền bí,
Linh thiêng.
Tình yêu của em, như sinh và tử,
Không thể nào lập lại.

*

Khi anh yêu
Anh biến Shah của Ba Tư
Thành một tín đồ của anh
Anh khiến Trung Quốc phải phục tùng mọi mệnh lệnh của mình
Anh dời biển cả khỏi những nơi chốn quen thuộc của chúng
Và nếu anh muốn
Anh có thể điều khiển đôi tay của thời gian.

*
Anh là tiên tri của tình yêu
Đem những ngạc nhiên đến cho đàn bà.
Nếu như anh không rửa ngực em bằng rượu,
Thì nó đã không bao giờ phát triển.
Phép lạ khiêm nhường của anh
Khiến đầu vú em nẩy nở.

*

Em hãy cởi quần áo ra.
Hàng thế kỷ rồi
Chưa có phép lạ.
Em hãy cởi quần áo ra,
Anh câm nín,
Và thân thể em biết tất cả mọi ngôn ngữ.

*

Anh muốn biến em thành một mẫu tự duy nhất
Trong đó anh ước ao
Nhịp điệu của mưa,
Bụi của trăng,
Nỗi buồn của những đám mây xám,
Niềm đau của những chiếc lá liễu rụng

Dưới những bánh xe của mùa thu.

*

Buổi sáng tháng ba ấy khi em đến với anh
Như một bài thơ đẹp
Mặt trời và mùa xuân đến với em.
Trên bàn giấy anh
Biến thành màu xanh
Trước mặt anh tách cà-phê
Cạn trước khi anh uống
khi em xuất hiện
Đoàn ngựa phi
Trong bức tranh trên tường
Rời bỏ anh
Để chạy đến bên em.

Buổi sáng tháng ba ấy khi em đến thăm anh
Thân thể trái đất run rẩy
Một vì sao sáng rực
Rơi một nơi nào đó trên trần gian.
Trẻ con tưởng vì sao
Là chiếc bánh mật
Đàn bà nghĩ vì sao.

Là chiếc vòng tay làm bằng ngọc
Đàn ông cho rằng vì sao
Là dấu hiệu từ cõi trời.

*

Khi anh nói với em:
"Anh yêu em"
Anh biết,
Anh đang lãnh đạo một cuộc đảo chánh
Lật đổ luật lệ bộ lạc,
Rằng anh đang dóng tiếng chuông thị phi.
Anh muốn nắm quyền
Để tăng số lá
Trong rừng.

Anh muốn làm đại dương xanh hơn
Và trẻ con hồn nhiên hơn.
Anh muốn chấm dứt thời đại man rợ
Và giết vị Caliph cuối cùng.
Chủ ý của anh
Khi yêu em
Là để đập đổ những cánh cửa khuê phòng
Để bảo vệ ngực đàn bà
khỏi răng của đàn ông:
Để cho dấu vú họ,
Nhảy múa hân hoan trong không trung.

Khi anh nói
"Anh yêu em!"
Anh biết,
Anh đang khai sáng ra một mẫu tự mới
Cho một thành phố không biết đọc
Anh đang tụng những bài thơ của mình
Trong một sảnh đường trống không,
Và anh đang dâng rượu
Cho những kẻ không biết
Những niềm vui của cơn say.

Khi anh nói
"Anh yêu em!"
Anh biết,
Bọn man rợ sẽ theo đuổi anh
Với những cây thương độc,
Với cung và tên.
Hình anh sẽ bị dán
Trên tất cả những bức tường.
Dấu tay anh
Sẽ bị phân phát cho tất cả các trạm cảnh sát
Một giải thưởng lớn
Sẽ được trao cho
Bất cứ kẻ nào giao đầu anh cho họ
Để treo trên các cổng thành phố
Như trái cam xứ Palestine.

Khi anh viết tên em

Trong cuốn sổ tay của hoa hồng
Anh biết,
Tất cả những kẻ mù chữ,
Tất cả những người bệnh hoạn và bất lực
Sẽ đứng dậy chống lại anh.
Khi anh quyết định giết vị Caliph cuối cùng
Để công bố
Sự thiết lập một quốc gia của tình yêu
Tôi phong em làm nữ hoàng,
Anh biết,
Chỉ có loài chim
Sẽ hát về cuộc cách mạng cùng anh.

*

Ánh sáng quan trọng hơn ngọn đèn,
Bài thơ quan trọng hơn cuốn sổ tay,
Và nụ hôn quan trọng hơn đôi môi.
Những lá thư anh viết cho em
Thì vĩ đại và quan trọng hơn hai chúng ta.
Đó là những tư liệu duy nhất
Bằng vào đó người ta sẽ khám phá ra
Vẻ đẹp của em
Và cơn điên của anh.

*

Hôm qua anh nghĩ
Về tình yêu của anh cho em
Anh nhớ
Những giọt mật trên môi em,
Anh liếm sạch
Khỏi bức tường của trí nhớ mình.

*

Làm ơn
Kính trọng sự im lặng của anh,
Im lặng là vũ khí tốt nhất của anh
Em có cảm thấy những lời lẽ

khi anh làm thinh?
Em có cảm thấy cái đẹp của những gì anh nói
khi anh không nói gì cả.

VỀ TÌNH YÊU BIỂN CẢ

Anh là biển cả của em,
Đừng hỏi anh
Về chuyến du hành sắp đến.
Em chỉ cần
Quên đi những bản năng thế tục
Tuân theo những luật lệ của biển cả
Xâm nhập anh như một con cá điên,
Chẻ con thuyền,
Chân trời,
Đời anh
Thành từng miếng.

LỜI NÓI CỦA HAI BÀN TAY NÀNG

Hãy giữ im lặng,
Giọng nói đẹp nhất
Là lời nói của hai bàn tay em
Trên bàn.

ANH CHINH PHỤC VŨ TRỤ BẰNG NGÔN NGỮ

Anh chinh phục vũ trụ bằng ngôn ngữ
Anh cưỡng đoạt tiếng mẹ,
Ngữ pháp, văn phạm,
Những động từ, và những danh từ
Anh xâm nhập trinh tiết của sự vật
Và hình thành một ngôn ngữ khác
Một ngôn ngữ che dấu bí mật của lửa
Và bí mật của nước
Anh rọi sáng thời đại sắp đến
Và chận đứng thời gian trong mắt em
Xóa đi lằn rặn phân chia
Khoảnh khắc này và những năm.

Lê Thị Thấm Vân d ịch

ROLAND REUTENAUER

RỜI BỎ BÀI THƠ

Tháng Một trong rừng tự ngâm nga
một ngôn ngữ lạ xa cáo biệt
thế giới tập hợp cùng khắc giờ
và cơn mưa một khuôn mặt đã nhòa

*

Nơi mỗi người nhận ra mình
chỉ thấy bản thân rời bỏ
bài thơ hắn cần thực tế
cội cây ánh sáng mảnh ao
nét ửng hồng nơi những áng mây

có chăng một thế giới không từ ngữ
thế giới đó này đây đang ở trước mặt mi
và mi cũng chẳng biết một điều gì khác
ngoài khép kín nó nơi mi

*

Bàn tay của mộng

Kẻ muốn thấu hiểu khuôn mặt mình
trong tăm tối tự lừa dối

ánh ngày như dòng sông trôi trên mi
bàn tay không viết ra điều ấy
bày tay muốn giữ ở cách xa
mi bàn tay ấy kiếm tìm mà mi không hay

Phải chăng chỉ có sự mỉa mai
để lấp đầy lỗ hổng
nụ cười kẻ nô lệ
căng sợi dây mệnh số
phải chăng chỉ có những từ giả trang
những vẻ hào nhoáng của luyến tiếc

*

Trông đợi nơi từ ngữ
nhiều hơn chúng có thể hàm chứa

khua động trên cây hạc cầm
ấy những điều dối trá
kiểm điểm những lý do thích đáng

ấy những điều tạo ra một linh hồn nơi thế giới
như một đứa trẻ trước ảo mộng

*

Lúc tinh mơ

Không có gì lẩn tránh mi chạm tới
cội cây bằng đôi tay mi cụ thể

mảnh đời lộng vào
bấp bênh tự nhìn ra
với bao thương đau

*

Bài học của từ ngữ
ta không vuột khỏi thế giới này

thước đo của tất cả
của im lặng quay trở lại
với hữu hạn

*

Nơi giấc mơ thân thuộc nhất khắc giờ
gần gụi một vùng trời mở to
ở nhẫn giới

cánh chim chiều thám hiểm
nấm mồ bỏ ngỏ

*

Vẫn hoài tồn tại
những gì đã tắt
những gì nín thinh
cuộn tròn trong một hạt nhân nhẫn nhụi nào đó
ta những muốn tin

điều ấy ở chung quanh
đem lại miệng lưỡi và bọt mép
đem lại đổi chác

*

Mi quét sạch những mảnh vỏ thời gian
kể cả cuộc đời?

buổi chiều lâu giờ nhìn mọi sự
rồi hít thở bên trong chúng
mà không gây tổn hại

*

Một bàn tay vung ánh sáng
và muốn nắm bắt lại
một lời ở cõi ngoài tự hy sinh

sự vật mơn trớn *giữa những dòng*
của khuyết vắng chúng ta cư ngụ
ít ra điều đó cũng được tỏ bày

*

Mây những áng mây mồ côi
của muôn thủa

miền đất trải rộng qua bên kia thế giới
phải chăng chính ấy là thế giới

bóng của cây đẻ
tất cả những chiếc lá dưới chân nó

bóng các từ chiếu lên
vĩnh cửu cũng như trá ngụy

thế giới thầm lặng họ bảo
thế giới đã cáo biệt

Diễm Châu dịch

ROLAND REUTENAUER là một nhà thơ kiệt xuất ở Yên-sa (Elsass) hiện nay. Đã có trên mười tập thơ được xuất bản, phần lớn có thể tìm thấy nơi nxb Rougerie. Từng đoạt nhiều giải thưởng về thi ca. Hiện cư ngụ tại một làng nhỏ gần Lộ trấn: Westhoffen, miền đất của năm ngàn gốc anh đào ăn trái và cũng là nơi từng sinh sống các dòng họ của những nhà lãnh tụ xã hội lừng lẫy nhất thế giới và Pháp. Trong lúc chuẩn bị một tập thi tuyển Roland Reutenauer, chúng tôi trân trọng giới thiệu trước cùng bạn đọc một tác phẩm ngắn, mới nhất của ông: *Quittant le poème*, nxb Tetras Lyre, Bỉ, 1995. Đây là những suy niệm của một người rất gần gụi thiên nhiên, về ngôn từ, cuộc đời và thế giới thầm lặng hay "thế giới không tiếng nói"...

PAUL CELAN

TUBINGEN, THÁNG GIÊNG

Dưới lớp sóng hùng biện
đôi mắt muốn chói lòa.
Lời của chúng, –-
"một điều bí hiểm là
trào vọt tinh khiết" – ký ức
của chúng về
những ngọn tháp Holderlin trôi trôi, hải âu
rít vòng quanh.

Những chuyến thăm của những người thợ mộc chìm đắm
dưới
những lời trút xuống này:

Nếu có,
nếu có một người,
nếu có một người tới cõi đời này, hôm nay, với
chùm râu ánh sáng của
các bậc tổ phụ: hẳn là người ấy,
nếu phải nói về thời buổi
này, hẳn là
người ấy
cũng chỉ lắp bắp và lắp bắp,
mãi mãi, mãi mãi
mà mà thôi.

("Pallaksch. Pallaksch.")

Diễm Châu dịch

Ghi chú

Nó tới Tubingen là nói tới HOLDERLIN (nhà thơ Đức, 1770-1843), vì đây là nơi ông đã trải qua nửa đời người và nhất là những ngày "điên" của ông... Và nói tới Friedrich Holderlin là nói tới...

*

Ngày 22.5.1996, cùng với nhà thơ Pháp, người Yên-sa: Roland Reutenauer, tôi đã đi thăm Tubingen (cách Lộ-trấn khoảng hơn 2giờ xe hơi). Nhân dịp này, cùng với bạn đồng hành, tôi đã dịch "Tubingen, tháng Giêng" trong *Die Niemandsrose*, một trong hai bài thơ của Paul Celan mà Philippe Lacoue-Labarthe đã dành trọn một cuốn sách 170 trang để tìm hiểu *(La poésie comme expérience,* Christian Bourgois, Paris, 1986). Tôi đã cố theo sát nguyên tác, ngoại trừ một vài câu hay một vài chữ dựa theo các bản Pháp văn của Martine Broda, Philippe Lacoue-Labarthe (2 câu đầu) hoặc bản Anh văn của Michael Hamburger, với hy vọng sẽ có dịp trở lại với bài thơ này của Celan.

*

"Tháp Holderlin" ở Tubingen là một ngôi nhà nhỏ nơi ngày trước một ông thợ mộc Đức tên là Zimmer đã cho Holderlin cư ngụ. Trong ngôi nhà với *một* ngọn tháp nay đã được sửa lại cho cao hơn này, Holderlin từng chiếm một căn buồng có ba cửa sổ ở lầu một trông ra dòng Neckar với hai nhánh sông ôm lấy một giải đất trồng những rặng dương ngô đồng (lá nhỏ chỉ bằng nửa lá *maple-tree*) và xa hơn nữa: trước là đồng không mông quạnh, nay cửa nhà đã san sát. Nơi một tủ kính gắn trên một vách tường ngôi nhà lúc này đã trở thành "Tháp Holderlin" (vào cửa: 3DM), tôi đã thấy bản *facsimilé* bài thơ của Paul Celan. Bản sao y này cho thấy bài thơ đã được đánh máy liền lạc (không phân đoạn), tại Paris ngày 29.1.1961; dấu phân đoạn được ghi sau bằng bút mực cùng với một số đổi thay về cách ngắt câu hoặc về từ ngữ, nhất là ở đoạn ba. Dòng ("Pallaksch. Pallaksch.") ở cuối bài cũng được thêm vào sau, bằng chữ viết tay, đứng riêng thành một đoạn. Ở dòng chót đoạn trên đó chỉ có một chữ "zu", Celan đã sửa bằng bút mực thành "zuzu" (viết liền nhau, để gợi ý "lắp bắp"...). Bên cạnh tờ sao y bản thảo (1961) là một cuốn sổ lưu niệm dành cho khách tới thăm "tháp", mở ra ở trang có chữ ký của nhà thơ Pháp André du Bouchet và Paul Celan và ghi ngày: 21.3.1970. Riêng chữ ký của Paul Celan đặc biệt có dấu (-) từa tựa như dấu "ngã" trên chữ "u" của "Paul", chỉ rõ cách đọc (theo người Đức)

cho những người để ý: /Pa-ul/, và *do đó*, tên Celan đọc theo lối này gần như "Xêlan" theo cách đọc của ta, chứ không phải "Pô-l Xê-lăng" theo kiểu tây... Ngay sau cuốn sổ, về bên phải, còn có một tấm hình nhỏ của Paul Celan do bà Gisèle Celan chụp...

*

Ngày tới thăm Tubingen vào hạ tuần tháng Năm, chúng tôi không gặp một cánh hải âu nào, cả trên hai nhánh "sông" Neckar trước mặt "tháp" lẫn vùng lân cận. Rời "tháp" chỉ vài bước là tới bệnh viện, Holderlin từng nằm điều trị lâu ngày và gần đó lại có "chủng viện Tin lành" nơi Holderlin, Beethoven và Hegel...được đào tạo. (Ba người sinh cùng một năm).

Nhắc lại:

– Câu "một điều..." là trích thơ Holderlin, bài "Sông Rhin".

– Tục truyền: vào những ngày về cuối đời mình, câu trả lời thông thường của Holderlin dành cho mọi câu hỏi: -"Pallaksch. Pallaksch."

– Paul Celan, gốc người Do-thái nói tiếng Đức, sinh ngày 23.11.1920 tại Cernowitz ở Bucovine (thuộc Ru-ma-ni vào cuối Thế Chiến I, thêm hai lần đổi chủ vào đầu những năm 40). Sau một chuyến thăm Israel, ông tự trầm trên sông Seine vào cuối tháng Tư 1970. Tác phẩm toàn bộ của Paul Celan được bày bán khắp nơi ở Tubingen. *DC*

TƯỞNG NIỆM AI QING (NGẢI THANH)

Nguyễn Đăng Thường

Ai Qing là một nhà thơ Trung Quốc tên tuổi được liệt vào hang đầu, nhờ những đóng góp lớn lao của ông trong việc hiện đại hóa thi ca chữ Hán. Đời ông đầy vinh nhục, phải chịu cùng một số phận với nhiều văn nghệ sĩ đã sống và phục vụ dưới các chế độ cộng sản. Ông tên thật là Jiang Hai Cheng, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1910 tại Zhe Jiang trong một gia đình địa chủ giàu có. Lúc lâm bồn thân mẫu ông chuyển bụng rất lâu, sinh khó đẻ đau nên cho là điềm gở, đem ông gửi cho một gia đình nông dân nghèo. Vì không đủ sữa cho hai trẻ bú, người vú nuôi đành phải trấn nước giết đứa con gái của mình. 5 năm tuổi nhỏ rất dài sống bên những kẻ chân lấm tay bùn, đã để lại dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn và thi ca Ai Qing. Đấy cũng là động lực thúc đẩy ông rộng vòng tay đón rước cách mạng vô sản. "Bà mẹ sữa" (1933) là bài thơ nổi tiếng đầu tiên của Ai Qing, kể lại thời ấu thơ của ông, và tình gắn bó với rẫy nương của dân quê.

Ai Qing đang học vẽ ở Paris lúc quân Nhật chiếm các tỉnh đông bắc nước Tàu. Ông lật đật về nước sống ở Thượng Hải. Nhưng chẳng được bao lâu thì ông bị bắt nhốt 3 năm, vì hoạt động với một tổ chức văn nghệ sĩ tả khuynh (Thượng Hải đã bị chia làm ba tiểu khu đặt dưới quyền của Anh, Pháp, Mỹ). Không thể vẽ trong tù Ai Qing bắt đầu làm thơ. Mãn hạn, ông tìm đến Vân Nam--cái nôi của cách mạng lúc ấy – rồi xin kết nạp đảng vào năm 1941. Ở Vân Nam, Ai Qing được hội kiến nhiều lần với Mao, và được nghe Mao giảng về vai trò chính trị của văn nghệ. Năm 1949, Ai Qing là cán bộ nòng cốt khi ông tới Bắc Kinh. Ông làm thơ ca tụng Mao và Stalin, được cử đi thăm nhiều nước bạn cho đến năm 1958, bỗng dưng chẳng biết vì lý do gì, ông bị tố cáo là hữu khuynh trong một bài viết hạ bệ ông trên tờ Văn Nghệ của đảng. Rồi ông bị lưu đày suốt 20 năm. Việc ông bị đảng bôi nhọ có điều bí ẩn khó hiểu, vì ông thực tâm theo chủ nghĩa Mao. Nỗi buồn của kẻ bị bạc

đãi bàng bạc trong bài thơ *Cá hóa đá* ông làm khi được cho trở lại Bắc Kinh: *Toàn than bất động / Không phản ứng cùng ngoại giới / Mi không thấy trời mi không thấy nước / Mi chẳng còn nghe tiếng sóng vỗ bên tai...* Thơ Ai Qing rất được mến mộ, nhưng cũng bị chỉ trích nặng nề. Đối với vài nhà thơ trẻ hiện đại ông chỉ là con rối của chế độ, thơ ông cản trở bước tiến thi ca. Thơ Ai Qing là những bức vẽ, bức họa lịch sử đầy hình ảnh quê hương thâm tình đất nước, phản ánh thời đại ông sống, đấu tranh, làm thơ, viết vẽ, yêu thương, thù hận, nhẫn nhục, sống sót. Ông để lại đôi mươi bài thơ dài trữ tình kể truyện, một ngàn bài thơ ngắn, hơn hai trăm bài tiểu luận gồm nhiều chủ đề. Ông có năm con trai và ba con gái. Ông mất tại Bắc Kinh, ngày 5/5/96, hưởng thọ được 86 tuổi.

Đầu thập niên 70 tôi có dịch vài bài thơ Ai Qing qua các bản dịch tiếng Pháp, bởi dốt chữ Hán. Hồi đó các anh em ở tạp chí Trình Bày cũng chẳng ai biết phải chuyển tên ông sang tiếng Việt như thế nào, nên chúng tôi giữ nguyên cái "tên Tây" của ông là Ai Ts. Ít lâu sau họa sĩ Nguyễn Đồng, không biết đã lục tìm sách vở, hay hỏi han cụ đồ ông nho nào, có nói hình như phải dịch là Ngải Thanh. Tới nay tôi vẫn mù tịt. Mặc dù vậy tôi chẳng mảy may áy náy về việc làm quá liều lĩnh của mình. Dĩ nhiên thơ không thể dịch được, nhưng thơ luôn luôn cần phải dịch. Dịch dở vẫn còn hơn là không dịch.

AI QING

MÙA XUÂN

Bây giờ là mùa xuân.
Những cây đào ở Lunghua đang trổ hoa.
Chúng trổ hoa trong những đêm đó,
Những đêm vấy máu đó,
Những đêm không sao đó,
Những đêm đầy gió đó.
Những đêm nghe tiếng góa phụ khóc nức nở đó.

Nhưng trái đất già nua này!
Giống như con ác thú mỏi mòn và đói lả
Đang liếm máu những người trẻ tuổi,
Máu những người trẻ tuổi gan lì.
Sau những ngày mùa đông dài,
Sau những băng giá và tuyết,
Sau những đợi chờ dai dẳng và kiệt sức,
Những vết máu đó, những vết máu đó,
Trong một đêm huyền thoại,
Trong một đêm Á Đông đen tối,
Đã nở thành nụ hoa
Và tô điểm cả một vùng phía nam dòng sông với mùa xuân của chúng nó.
Người hỏi: Mùa xuân từ đâu tới?
Xin thưa: Từ những ngôi mộ ngoài châu thành.

Nguyễn Đăng Thường dịch

Chú thích
Lunghua: Bãi hành quyết ở Thượng Hải

TÔI ĐỨNG LÊN

Tôi đứng lên
như con thú rừng mỏi mệt
con thú bị thương
đã cố ngoi mình lên được
sau những lần cố gắng bền bỉ và nhọc nhằn
trên phiến đá lạnh
trong khu rừng ngổn ngang những xác lá.
Tôi mở mắt
và tìm chân trời.

Tôi
tôi là người
        lữ hành
đến đây từ miền đất núi xa xôi
những dãy núi chưa một lần khai phá
đến trong thành phố này nơi hàng triệu người
        làm việc bằng tay
        kêu la bằng miệng
        bước đi bằng chân
trên mình tôi
trên thân thể tôi rã rời
còn giữ thật sâu bên trong
sự mệt nhọc của một chuyến đi dài
và của đêm qua dưới trời mưa gió.

Nhưng
cuối cùng tôi đã đứng lên.

Tôi mở cánh cửa sổ
với đôi mắt tù nhân thấy lại ánh sáng lần đầu.
Tôi nhìn thấy bình minh
– Ôi bình minh thật sự!

HÔM NAY

Hôm nay
tôi chạy trên con đường đầy nắng
và đầu hết cúi xuống
Tôi thôi cho hai tay vào túi quần
Tôi thôi huýt sáo trên đầu mỗi bài hát cô đơn.
Tôi thôi nhìn đám mây bay lẩn trốn trên trời.
Tôi thôi không còn là kẻ lang thang ngoài hè phố.

Hôm nay
tôi ở giữa lòng đám đông có mặt trời soi sáng
mãi mãi tôi sẽ thôi tìm
những khuôn mặt buồn bã như tôi.

Hôm nay
mặt trời hôn lên má tôi hôm qua còn đầy nước mắt.
Hôn mắt tôi đã mỏi vì những kinh hoàng thế giới.
Hôn môi tôi đã câm bởi đã không ngớt gọi công bằng.
Hôn chiếc lưng tôi già trước tuổi
và sắp sửa còng.

Hôm nay
tôi nghe
mặt trời gọi tôi:
"Hãy đến cùng ta
trong hôm nay
cho đúng hẹn và vui vẻ!"

Say mê
lúc đó bởi một ngày vừa hóa kiếp
tôi yêu tiếng kèn đồng ngoại ô,
tôi yêu tôi đi giữa đoàn người hớn hở.
tôi yêu điệu trống, tiếng trống ngoài đường.
tôi yêu gánh xiếc
và khi đã xem hết những trò hát đơn sơ,
hùng tráng và mạnh bạo này,
tôi sẽ biết yêu chúng nhiều hơn
như biết yêu tha thiết mặt trời.

Hôm nay
người tôi tràn ngập lòng biết ơn mặt trời
đã cho tôi lại tuổi thơ.

Nguyễn Đăng Thường dịch

YOKO ONO

CHỈ DẪN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC TRANH

TRANH TẶNG GIÓ

Khoét một cái lỗ trên mình một cái bịch,
Đổ đầy hạt giống vào loại nào cũng được.
Treo chỗ có gió.

1961 hạ

TRANH ĐỂ NGÓ CÁC TRỜI

Khoan hai lỗ trên mặt bố
Mắc chỗ nào ngó thấy trời.

(Đổi chỗ. Treo nơi cửa sổ trước rồi sau
thử xem các trời có khác màu.)

1961 hạ.

TRANH BA KHÚC

Trồng một cây nho.
Mỗi ngày tưới nho.
Khúc một - tưới cho nho leo.
Khúc hai - tưới cho nho héo.
Khúc ba - tưới cho nho nghẻo.

1961 hạ.

TRANH ĐỂ XEM PHÒNG

Đâm một lỗ bé tí gần như vô hình giữa mặt bố
rồi nhìn căn phòng qua lỗ này.

1961 thu.

TRANH ĐỂ THỰC HIỆN TRONG ĐẦU (4)

Lật một cuốn niên giám điện thoại coi từ trang đầu
tới trang cuối
Ghi lại các con số còn nhớ rõ
ngay sau đó.

1962 đông.

CHÂN DUNG MARY

Gửi một tấm bố cho một cô Mary ở một xứ nào đó và yêu cầu cô ta
dán một bức ảnh của mình lên. Xong, nhờ cô ấy chuyển bố đến một
cô Mary xứ khác để làm y hệt. Khi tấm bố đã đầy ảnh thì gửi nó về
cho chủ cũ. Tên người con gái được chọn đầu tiên không nhất thiết
phải là Mary. Có thể là một cái tên hư cấu. Ở trường hợp này,
phải liên tục gửi tấm bố qua nhiều nước cho tới lúc tìm được một
cô trùng với cái tên đã bịa. Cũng không bắt buộc phải dán hình, mà có
thể
thay thế bằng một con số, một con côn trùng, hay cái dấu lăn tay.

1962 xuân.

Thương Nguyên dịch

THƠ CHO MỘT THẾ GIỚI ĐANG HÌNH THÀNH

Phan Tấn Hải

Một đặc điểm của thế hệ chúng ta, thử nói cho cao siêu đi, kiểu như tư tưởng thời đại trong nửa sau thế kỷ 20, là lòng ngờ vực với chính hiểu biết của mình.

Hiển nhiên, không phải ngờ vực là đặc điểm mà thời xưa chưa có. Ngờ vực, thắc mắc, đặt câu hỏi, tìm ra đâu chân đâu giả vẫn là mẹ đẻ của mọi nguồn triết học. Thậm chí có một thuở trong tư tưởng Hy Lạp lại sinh khởi một thứ chủ nghĩa hoài nghi (skepticism), không tin rằng chúng ta có bao giờ đạt được hiểu biết chân thực nào về hữu thể. Không phải vậy. Cái ngờ vực của chúng ta, có lẽ, trần gian hơn, con người hơn, không dính gì tới (hoặc chỉ một chút) chuyện truy tầm chân lý--nhưng cũng có thể vì chúng ta không muốn làm chuyện này, hoặc là cho đấy không phải chuyện của nhà thơ.

Thơ những thời trước gần như luôn luôn là những lời khẳng định, hoặc là đi từ những khẳng định này tới khẳng định khác. Và ngay cả khi người xưa dùng lời phủ định thì cũng như với lòng tin chém đinh chặt sắt.

Khi Lý Bạch viết:

Vân tưởng y thường, hoa tưởng dung

Chúng ta thấy như có một phương trình cân bằng, với mây ở một bên và áo giai nhân ở một bên, cũng như vẻ đẹp của hoa một về và bên kia là dung nhan của nàng. Như dường không thể nào khác hơn.

Hoặc ngay như khi Nguyễn Du đặt câu hỏi:

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

Chúng ta rơi ngay vào trận đồ của tác giả, tin rằng có một thế giới (với những *thiên hạ*) với một dải thời gian (ba trăm năm chẳng hạn, hoặc lâu dài hơn) để đặt lại vấn đề *tấm lòng Tố Như*.

Thế giới của họ Lý và họ Nguyễn là cái gì bền vững, với *những giá trị đã được định sẵn*, nghĩa là áo nàng thì phải như mây, mặt nàng thì phải như hoa, nghĩa là nỗi thương tâm của Tố Như nhất định phải là nỗi đau xót cho cả người nhiều trăm năm sau.

Thế giới thơ trên của họ Lý là, nhà thơ nhìn về giai nhân và dung lời ghi lại một cảm xúc (tức lượng định về một hiện tượng trong không gian). Thế giới thơ trên của họ Nguyễn lại là, nhà thơ nhìn về nỗi thương tâm của mình và khoảng thời gian mờ mịt ba trăm năm sau và dùng lời ghi lại một câu hỏi về tương lai (tức lượng định khả vấn về một hiện tượng trong thời gian chưa đến). Điều hai người giống nhau là ở chỗ: có một cái gọi là *nhà thơ*, có một cái gọi là *thế giới mà nhà thơ nhìn tới*, và có một cái gọi là *ngôn ngữ để ghi nhận*.

Chính Edmund Husserl (1859-1938) là người đầu tiên nêu lên vấn đề: chính cái hành động suy nghĩ (như của nhà thơ) và đối tượng của suy nghĩ (hiện tượng ghi nhận trong thơ) thực sự tương thuộc nhau – Chúng không phải là những gì độc lập. Husserl đưa ra hiện tượng luận (phenomenology) để biện minh rằng chúng ta không thể biết thế nào là sự thật, mà chỉ có thể ghi nhận những hiện tượng như là hiện tượng. Thế giới chúng ta thực sự có quá nhiều sương khói. Và chính phân biệt này đã là nền tảng cho chủ nghĩa hiện sinh (existentialism) sau này ra đời.

Tới đây, chúng ta thử mở lại Tạp Chí Thơ, số ra mắt Mùa Thu 1994. Trong các trang 35-38 có tới bảy bài thơ của Khế Iêm. Điểm chung của bảy bài thơ này là không có nhân vật. Không có "tôi." Không có "em." Không có "chàng." Không có "nàng." (Nơi đây chúng ta không bàn chuyện hay dở, chỉ muốn tìm ra vài đặc điểm phân biệt.)

Đặc điểm không nhân vật này phần nào tương tự với phong trào Tân Tiểu Thuyết (Nouveau roman), một phong trào đôi khi còn được gọi là phản-tiểu thuyết (anti-novel, theo ghi nhận của Katherine Baker Siepmann trong *BenétReaderEncyclopedia,* ấn bản thứ ba). Không phải vận động này gạt bỏ nhân vật, nhưng nhân vật nơi đây có khi vắng bóng, có khi bị bóp méo, có khi mất cá tính, có khi không tên.

Thử trích bất kỳ một bài thơ nào trong các trang này, thí dụ bài "Tìm Kiếm," trang 38.

> ***Tìm Kiếm***
>
> *tu hơi bia*
> *đá chiếc lon ra ngoài*
>
> *thốc tháo nốt nhạc rời*
> *phân kịch hoang phế*
>
> *tìm kiếm*
>
> *cứ mờ mịt mãi rồi cũng có ngày phải sáng tỏ*
> *về thuở khốn cùng*
> *sống ngắc ngoải*
> *cầu bơ cầu bất*
>
> *lóc cóc*
>
> *vẫn biệt vô âm tín.*

Từng câu một là những mảng màu chưa thành hình dạng, chỉ có hành động mà không nhân vật. Vấn đề trước tiên người đọc có thể nêu ra rằng ai là chủ thể những hành động này. Nơi đây chúng ta thấy rằng không còn cái gì gọi là "nhà thơ," cũng không còn cái gì gọi là "thế giới hiện tượng mà nhà thơ dùng ngôn ngữ ghi lại."

Nếu gọi là "có nhân vật," thì nhân vật nơi đây là cái gì "đang hình thành, đang trở thành." Nghĩa là vẫn gọi được là "chưa lộ diện, hoặc là đang ẩn mặt."

Trường hợp này không phải là một đảo ngược cái thế giới thơ cũ, nhưng là một chìm đắm sâu hơn vào dòng sống. Không có người nhìn về hiện tượng để ghi lại nữa, nhưng là người đọc không thấy được nhân vật vì "anh ta/cô ta" đã lặn ngụp vào làm một với dòng sống.

Ở một nghĩa khác, đây cũng là một chất vấn về cái "nhân vật đã hình thành" trong các thế giới thơ trước kia. Đây là một ngờ vực hiện thể. Một thắc mắc, một xao xuyến, một suy nghĩ muốn bắt chụp lấy đời sống.

Nhân vật trong thơ Lý Bạch và Nguyễn Du nêu trên là "cái đã hình thành và cố định." Còn trong bài thơ vừa dẫn thì chủ thể là "cái đang hình thành và bất định."

Chúng ta có thể lật số Tạp Chí Thơ trên tới trang 67, và đọc một bài của Nguyễn Hoàng Nam:

Manager Đã Chặt Cây

ngáp oải. sáng chủ nhật xa hoa
ám ảnh chuông báo thức
ôm nhau. mơ màng chim hót xa

Hoặc lật tới trang 88, đọc một bài của Hoàng Phủ Cương:

Mùa Đông

chiếc ghế dài, cành cây, sương mù mùa đông
nhắm mắt lại
nỗi chết như điều kiện sống
giấc mơ
tựa tấm gương xa
rạn chưa kịp vỡ
mỗi sáng soi thấy trăm khuôn mặt
đỏ vàng lam chàm tím
giấc sáng còn
khua xanh sớm mai

Thời của chủ nghĩa hiện sinh thực sự qua rồi, nhưng ảnh hưởng của nó vẫn ghi dấu trên nhiều thử nghiệm mới của văn chương thế giới. Ba bài

thơ trích dẫn trên từ Tạp Chí Thơ số Ra Mắt là những điển hình cho những tình cảm xao xuyến đó, những ghi nhận về cách nhìn một thế giới đang hình thành, một cái gì bất trắc mà nhân vật thì không rõ nét.

Ngay cả đến bài "Bến Lạ" của Đặng Đình Hưng trang 14-15, cũng số báo vừa dẫn, mặc dù dài hai trang với năm chữ "tôi" và một chữ "anh" nhưng cũng là một "thế giới đang hình thành," một xao xuyến, một nỗi ngờ vực. Cái "tôi" và "anh" trong thơ Đặng Đình Hưng vẫn như ẩn hiện, vẫn xa lạ với cái *nhà thơ* nhìn người đẹp và ngợi khen áo như mây và mặt như hoa.

Thử đọc một câu của họ Đặng:

> *Bến lạ ngay gầm jường mưa to ngay ở gầm bàn và trong hòm mọi người chở một con tàu navir trọng tải những hình thù Hồng hải căng lên những cái yếm mùi nồng của đám cưới năm ngoái hong ra khoe và đã đi--những cột đèn đứng lại.*

Thế giới thơ của họ Đặng là những tảng màu chồng lên nhau, làm mất hình dạng lẫn nhau và nhòe ra, một cái gì của đời sống đang chuyển động. Không phải là một thế giới đã xong, mà là nhiều thế giới chập chùng lên nhau, một cái trở mình của dòng sống.

Và như vậy, thơ của Lý Bạch và Nguyễn Du là thơ của một thế giới đã hình thành.

Và thơ của thế hệ chúng ta như dường nhiều phần vẫn là thơ của (không phải một, không phải nhiều, vì vẫn bất định) thế giới đang hình thành, nghĩa là "thơ của những cái chưa biết trọn."

Và phải chăng
thơ của những điều chưa biết
mới thật gần
với số phận (của chúng ta)?

HUỲNH MẠNH TIÊN

CUỘC CHIẾN HÔM NAY

Lòng trống quá
Tình kia ặp mép
Hương sắc giai âm cúc cởi tuôn trào
Lòng trống quá
Chẳng vang gì cả
Nội tâm sôi sục. Vũ trụ vung nồi

Lòng trống quá
Song chiều xa lộ
Trăm vệt pha quăng không hốt hết màng mù
Kính chiếu hậu
Bỗng hồn hủ lậu
Móp méo vuông tròn thành chuyện...rủi may

Lòng trống quá
Không vương lý giải
Lưỡi đam mê, hương ẩn ức bay vòng
Cỗ đã bày
Lầu thơ đã chiếu
Chủ hộ vườn bên ở vậy thờ chồng!
Vương miện lấp lửng
Giữa vàng (nhận) và máu (cho)
Hương hỏa nhà trên một kỷ bao hồng?

Lòng trống quá
Mà lòng không sụp
Lần gót mực đau chữ nghĩa tòng quân
Lòng trống quá
Nhưng lòng không sụp
Giòng đen luân vũ, ý đỏ lên đàng

Mở một chân trời--khác chi

Đãi vàng giữa suối rừng hoang
Xệ vai thập giá trèo thang bôi mỡ
Xuất gia cầu đạo (cạo đầu) chuỗi tràng bình bát
Mở một chân trời, Bạn ơi
-- Thủ kỹ hành trang
Bản lĩnh / Tấm lòng:

CUỘC CHƠI NÀY CÒN NHIỀU BẤT TRẮC

Phóng bút ngày 02/IV/96
Thân tặng các bạn thơ, và bạn đọc có lần nhập cuộc với...
THƠ

TCHERNOBYL

10 năm sau / 100 năm sau...
"Một phút im lặng..."
Lời phát ngôn viên
Đài 1(*)

Một phút im lặng
Cho Bé Ukrainien
Cho cái sống từng giây
Cho cái chết từng ngày
Cho Tchernobyl hôm nay

Một phút im lặng
Cho loài người văn minh
Ngậm miệng. Làm thinh

Một phút im lặng
Cho những người không
Đọc thơ
Làm thơ:
Lò nguyên tử họ mỗi ngày mỗi to
* Đài TF1 bên Pháp

(*) Đài TF1 bên Pháp.

TRIỀU HOA ĐẠI

KHÓI ÁM

cất dấu những rổn rảng
trăng soi
như lòng lãng quen

chẳng biết đợi chờ ai
đêm rơi mòn mỏi
như gió bão

khóa kín đời tôi
trong một ngăn kéo cũ
mốc thếch mùi chuột chù
lạnh phiến băng
rầu rĩ

chẳng biết đợi chờ ai
vẫy gọi
quanh mình ám khói un

lửa thờ ơ ngun ngút
cháy, nghe như muộn màng
em giờ bao nhiêu tuổi
đá hững hờ
quanh năm

TRÚ MƯA

Hiên mưa. Trú, ẩn nhớ người
có nên thơ thẩn
quanh đồi sáng nay?
tỉnh chưa
tỉnh dậy cơn say
vung tay
vỡ
bóng
động ngày
vừa vun

ĐỖ QUYÊN

KHÚC ĐỐI THOẠI BẤT THÀNH

(nhân vật: Thơ, Tiếng Vọng CLV và Tôi - một người đang viết thơ
cho năm 2000)

Tiếng vọng CLV:
Trong đối thoại thơ
tiếng vọng không có vai trò.
Âm thơ không thể là vọng lại
Nó đi thẳng
tới người đối khẩu.

Thơ:
Ngươi từng tự thú:
Lật trái trang thơ may ra mới nghe được đời.

Tiếng Vọng CLV:
Tôi đi
Tôi chỉ còn để lại
Để lại một câu thơ, một lời tạ tội.
Đã đủ chưa?

Thơ:
Hoặc là thừa câu thơ
Hoặc là thừa lời tạ tội.
Nhà thơ đích thực thì muôn đời là người vô tội.
Những câu thơ của hắn không phạm lỗi đời ở khắp nơi.
Ta cho ngươi rút lại
một trong hai điều vừa để lại

trước khi đi.

Tiếng Vọng CLV:
Tôi không muốn có đối thoại mới theo câu chuyện cũ
dù phải bằng tiếng vọng của thơ mình.

Thơ:
(hướng về phía Tôi)
Còn ngươi, sao mãi lặng thinh
Lặng thinh không là thơ!

Tiếng Vọng CLV:
Tôi không còn muốn để lại những bài thơ phải nháp

Thơ:
(vẫn hướng về phía Tôi)
Tiếng thơ từ thế kỷ 21 đâu?
Khi thơ cần đối thoại
Nhà thơ có thể lặng câm
chứ không thể để thơ mình câm lặng!

Tiếng Vọng CLV:
Tôi không còn muốn "làm con công thơ xòe cái đuôi ngôn ngữ của mình"
Thơ tôi sẽ có lưỡi.

Thơ:
(càng hướng về phía Tôi)
Xoàng thay cho các nhà thơ nhận đơn đặt hàng của thời đại toan làm bản lề thế kỷ
Khi họ hạ xong vần thì cánh cửa lịch sử đã nhòa nhập vào bức tường thời gian.

Tiếng Vọng CLV:
Thơ tôi sẽ không cần, vì ai để xoay chiều ngọn bấc
Với thế sự thơ tôi nếu còn có nó sẽ vô tích sự mà thôi.
Hơn hết cả, thơ là để làm tôi thở được dưới đời.
Vâng, thơ tôi sẽ thôi "thương cho những thế kỷ vắng anh hùng",
Nếu còn thơ tôi sẽ...

Thơ:
Anh hùng là gì?
Với ta
là đoạn đầu đài.

Tiếng Vọng ClV:
Nếu còn thơ tôi sẽ...

Thơ:
Đừng hứa hẹn!
Tự thơ đã là tương lai.
Thơ cũng không cần có ở những nơi đã có người làm thơ.
Ta xin rút lui.
Ta cũng đã nhầm:
Không có đối-thoại-thơ
Nhà thơ chỉ cần đối thoại với chính các bài thơ của hắn.
Này,
các nhà thơ,
hãy một mình ở lại với các bài thơ của mình.

Montréal, 1.5.96

LÀM THƠ NHƯ NÓI VỚI MỘT NGƯỜI

Đỗ Quý Toàn

Lúc sinh tiền nhà thơ Xuân Diệu có lần tự giới thiệu "Đặc sản của tôi là thơ tình." Nhưng ông cũng làm thơ về nhiều đề tài khác, mà trong đó ông không bầy tỏ các rung động hay niềm hưng phấn bình thường của thơ tình.

Có một tác giả chỉ làm thơ về tình yêu, đó là Trần Mộng Tú. Đọc Trần Mộng Tú người ta thấy bài thơ nào cũng như để nói riêng với một người nào đó. Thơ kể chuyện tình yêu, nói với người yêu, nói về một người yêu. Một chiếc lá, một tách trà, môt tảng đá, ly nước lạnh, viên sỏi, những cánh tuyết tung bay như bướm động mùa, hay những cơn sóng cuộn nhau ngoài biển, đều thúc dục bà nói chuyện với người yêu, kể chuyên tình yêu. Buổi chiều làm cơm, ở Issaquah, Trần Mộng Tú nhìn đến lá hành, sợi miến, chén nước mắm, con cá rán, đều gợi những hình ảnh của một người yêu. Ngôn ngữ của chúng ta giầu có thêm với "núi tình tứ", "gió mềm như tóc thời con gái", "mùa xuân đứng thách hôn - mùa xuân tới trạm ngõ," hay "ngực rám hồng hương Sunkist thơm căng", v.v. Nếu thi sĩ không viết về tình yêu thì chúng ta không có những ngôn ngữ đó.

Nhiều người may mắn đọc thơ cảm thấy như bài thơ nói với chính mình. Tôi gặp một nhà văn đã đọc thơ Trần Mộng Tú, hỏi cảm tưởng của ông như thế nào. Ông nói "Ngay cả khi tôi không quen Trần Mộng Tú, độc thơ tôi vẫn có cảm tưởng như nó (bài thơ) đang nói với chính tôi, như tôi đang được nghe một người yêu nói với mình." Đọc một bài thơ như vậy, cả người đọc và người làm thơ đều may mắn. Chắc hẳn đã có nhiều người đọc thơ Trần Mộng Tú cũng chia sẻ cảm tưởng đó. Ở Praha, nhà thơ Trần Hồng Hà một lần hỏi "Anh biết chị Trần Mộng Tú không? Năm nay chị ấy bao nhiêu tuổi?" Tôi không biết, chỉ có thể cho nhà thơ đọc một bài văn, lá thư Trần Mộng Tú viết cho con gái đã lớn, đăng trên tạp chí *Văn Học*, "Bao giờ chú qua Mỹ chơi, anh sẽ nói chị Tú giới thiệu cho cô con gái của chị ấy." Nhắc lại chuyện này để nhớ thương Trần Hồng Hà mà tôi không bao giờ gặp nữa.

Nhưng khi làm thơ, các thi sĩ có thật sự nghĩ đến riêng một người (may mắn hay không may) nào đó chăng? Chắc chúng ta phải phỏng vấn nhà thơ, không phải về việc làm thơ nói chung, nhưng về một bài thơ cụ thể nào đó. Cái ông ở New York là nhân vật nào vậy? Chắc thi sĩ sẽ không chịu tiết lộ nguồn cảm hứng của mình, cũng như nhà báo bảo vệ nguồn tin.

Nhưng chúng ta có nhất thiết phải phỏng vấn nhà thơ, và liệu nhà thơ có biết sự thật về chính thơ của mình hay không? Thật sự có riêng một người cụ thể, riêng biệt nào để thi sĩ nói đến không? Hay chính thi sĩ đã tạo ra hình ảnh một người, bằng cả thế giới và đời sống đã đi qua chính mình? Chúng ta cứ tưởng các thi sĩ làm thơ chỉ vì có "người đi qua đời tôi". Nhưng thật sự thi sĩ cần phải đón nhận cả thế giới, cả cuộc đời, "đời đi qua người tôi" rồi mới tạo ra thơ. Hỏi thi sĩ "Cái ông được dẫn ra bờ hồ xem vịt tên là gì?" thì nhà thơ có thể trả lời ngay không sợ lầm lẫn, "Đó là cuộc đời, là sự sống tập khởi thành hình. Đó là mặt hồ, là gợn sóng, là núi, là sương mù, tất cả thu lại trong hình ảnh một người."

Trong một cuộc nói chuyện với Eckermann nhà thơ J. F. von Goethe bảo: "Tôi chưa từng nói một điều nào mà chính tôi chưa sống qua, mà nó không thôi thúc tôi phải nói ra. Tôi chỉ làm thơ tình yêu vì tôi đã yêu..." Đồng ý rằng khó làm được thơ tình nếu người ta chưa yêu, nhưng điều đó không có nghĩa là khi làm bài thơ tình này thì thi sĩ đã phải trải qua kinh nghiệm tình yêu đúng như bài thơ đó kể. Hỏi đích danh thì chưa hiểu người làm thơ.

Vả chăng không ai muốn hỏi những câu hỏi vô duyên, như Hồng Y Ippolito dhồi thế kỷ 16. Khi nhà thơ Lodovico Ariosto kính cẩn đề tặng Đức Ngài tập thơ *"Tình Điên của Orlando" (Orlando Furioso)*, chủ nhân chỉ hỏi viên thư ký của mình một câu: "Con tìm đâu ra mà lắm chuyện đến như vậy?" Ariosto không thể báo cáo là tất cả các cuộc phiêu lưu của Orlando mà ông kể, chính ông đã trải qua. Nói vậy chắc là nói dối. Nhưng ông cũng không thể thú nhận là tất cả chỉ là chuyện bịa đặt, lại nói dối nữa.

Một bài thơ Trần Mộng Tú tôi chắc ai cũng nhận ra là thơ tình:

Thân thể em
soi gương đã cũ

trái đất ôm mấy chục vòng quay

Sao
vuốt ve anh
mỗi ngày một mới
Có phải
mỗi ngày
anh đổi
một bàn tay

Thi sĩ đang nói với một người, người thật, được mô tả là có cả tay chân, mỗi ngày một mới, có một người đúng như vậy hay không? Cái kinh nghiệm sống và yêu đương (chắc chắn đã trải qua, như Goethe nói), đã xảy ra nhiều lần, nếu không phải là mỗi ngày, kinh nghiệm đó nhà thơ có trải qua thật hay không? Nếu chúng ta đặt câu hỏi đó chắc hẳn thi sĩ sẽ không nói. Không nói chẳng phải vì nhà thơ không muốn, không biết hay trí nhớ không còn mẫn tiệp.

Mà thật sự là vì, Thơ, không nên hỏi về Thơ với những câu như thế. Có thể hỏi thi sĩ những câu lẩm cẩm như vậy, để nói chuyện gì khác, như bạn thân đùa nhau cho vui. Nhưng nghiêm mặt, hắng giọng, hỏi một câu như vậy về Thơ, thì không thể nói chuyện Thơ được. Nhất định không thể nói chuyện Thơ với một người đặt câu hỏi đó được.

Bài thơ hiện lên như vậy, nó ở ngoài tầm tay của thi sĩ. Đã nhiều người làm thơ nói "Tôi đâu có làm thơ, Thơ nó làm tôi." Nói như nói chuyện bị ma làm. Juan Ramón Jiménez kể *"Yo no soy yo."* -

Tôi không phải là tôi.
Tôi là nó.
Nó sáng tạo, lặng im, trong khi tôi nói

Giống như Pasternak viết "Trong nghệ thuật, con người im lặng,hình ảnh nói." Nhưng có ai tạo ra hình ảnh, hay nó tự tạo ra? Cái nhân vật được gọi là Anh, (có phải mỗi ngày anh đổi một bàn tay) là sản phẩm do thi sĩ sáng tạo ra, nhờ thi sĩ mà ra đời. Chính cái cảm giác "mỗi ngày mới mẻ" trong bài thơ đã tạo nên nhân vật này. Chính vì người đọc đồng cảm được cái cảm giác đó mà sinh ra nhân vật này. Nếu thiếu những kinh ngiệm đó thì nhân vật không thành hình. Khi T.S. Eliot viết về tiếng nói Thơ như nói với một người nào đó, riêng một người nào

đó, ông đã dùng óc phân loại văn chương của một thầy giáo dậy văn, chứ không phải qua kinh nghiệm sống của một nhà thơ. Mà ông cũng chủ trì rằng bài thơ nào cũng có ít nhất hai tiếng nói, nhà thơ thế nào cũng nói với chính mình, và chắc chắn cũng nói cho một người nào đó nghe. Phân tách chủ thể và đối tượng là một sự phân biệt giả tạm.

Trong "Tố của Hoàng ơi hỡi nhớ thương!" Tố cũng là Hoàng. "Khi anh chết các em về đây nhé", các em cũng chỉ là một người thôi. Anh ơi, nàng hỡi, chính là mình. Ngôi thứ hai đại danh từ có mặt vì ngôi thứ nhất có mặt, vì bài thơ có mặt. Sao vuốt ve anh mỗi ngày một mới? Rung động mạnh nhất bài thơ gợi ra và để lại trong ta không phải là một người, Anh. Cũng chẳng phải bàn tay. Mà chính là cảm giác của người đọc bài thơ. Cảm giác đó phải có sẵn trong ta, chờ bài thơ thể hiện ra. Gottfried Benn nói là "Thơ trữ tình không có một đề tài nào khác, ngoài bản than thi sĩ." Ngoài bản thân người đọc, phải nói thêm.

Bài thơ hỏi sao cái vuốt ve mỗi ngày một mới, hay mỗi ngày anh đổi một bàn tay. Nhưng chỉ có thân thể thật sự đang đổi mới, đang hồi sinh. Mà thân thể con người có lúc nào không đang sống lại? Vì thân thể lúc nào cũng hồi sinh nên bàn tay thành mới mẻ. Chúng ta sống lại, mới mẻ từng giây phút một. Nhìn thân thể mình trong gương làm cho thân thể mới lại, nhìn và khám phá. Trái đất xoay quanh như một chuyển động tạo nên thân thể mới. Nhưng đâu cần soi gương mới thấy mình mới mẻ. Mỗi phút giây có thể thấy chính thân mình mới mẻ, khi ta đang sống thật sự trong xác than mình, để hồn và xác trở thành một, đầy ngập và trống không.

Sao vuốt ve anh mỗi ngày một mới. Nhân vật Anh này không nhất thiết có tên, tuổi, và địa chỉ. Cảm giác mới, sự sống mới, mỗi ngày đều mới là "nhân vật" chính trong bài thơ. Sự sống luôn luôn là mới mẻ nếu như chúng ta trong mỗi giây phút đều đặt hết mình trong sự sống.

Đìu đó nghĩa là như thế nào? Thật khó giả nghĩa như nhà giáo dậy văn. Những giây phút sống hết mình, ở đó, vào lúc đó, giống như kinh nghiệm người ngưng thở. Nhắm mắt, nín thở trong một phút, sẽ thấy cả con người mình đòi sống mãnh liệt, sống đầy đủ từ đầu đến chân, tâm cảm và thân cảm thấy là một. Nhìn một bông hoa nở, nghe tiếng chim gõ trên mái nhà bằng gỗ, hay gần gũi một người mình yêu, đều có thể tạo cho chúng ta những giây phút sống hết mình như thế. Bài thơ sẽ tự nó sinh ra khi chúng ta mở cửa, để sự sống thể hiện, hết mình, như thế

đấy. Nó tới đây, từ đầu, trong trẻo, khoác bộ áo hồn nhiên (*Vino, primero, pura - vestido de inocencia* - Jiménez)

Những tiếng Anh và Em trong bài thơ sau cùng chỉ là ngôn ngữ. Ngôn ngữ có linh hồn nhờ chúng ta đã sống. Trước hay sau khi làm bài thơ, thi sĩ có thể nhớ tới một nhân vật. Nhưng chính bài thơ không nói chuyện nhân vật đó. Nó hiện lên từ một giây phút sống tận cùng nỗi sống, và nó phải tạo ra cho người đọc thơ một giây phút bàng hoàng, muốn sống hết kiếp người trong khoảnh khắc. Bài thơ đến, khoác bộ áo hồn nhiên, chúng ta bước vào đó với tấm lòng nguyên mới. Có ba thứ tiếng nói trong thơ như Eliot phân biệt hay chăng? Tôi sợ rằng chỉ có một. Đọc thơ, chúng ta buông trôi vào trong cái một, trong cơn sóng về thân xác hồi sinh, *vino, pura, vestido de inocencia*.

Tháng Năm 1996

HỒNG KHẮC KIM MAI

NGÀY LẠNH BẾN TIÊN SA

Ngó hoài
Không chán mắt
Vành vương miện
Kết trên đỉnh đầu núi
Em nói đó là cô dâu

Cãi hoài
Không mỏi miệng
Vành khăn đóng
Anh kêu là chú rể
Em nói đó là biển sâu

Run hoài
Trên bãi vắng
Gió mùa đông
Vi vu cành dương liễu
Nâng niu tình yêu ban đầu

Che hoài
Cát vẫn bay
Trời vẫn say
Áo dày không đủ ấm
Mình hôn nhau cho lâu lâu

PHẠM TƯỜNG VÂN

ĐỪNG NGHĨ NỮA...

Đừng nghĩ nữa...
Gió chẳng xanh bằng lá
Người đi trống một khoảng không
Ta rồi cũng phải thua không khí

Đừng nghĩ nữa
Nhớ thì về
Thương thì tìm
Tơ tình đôi ba sợi
Sợi vắn sợi dài
Tơ tình chẳng dai hơn tơ nhện

Nào buộc được ai...

Đừng nghĩ nữa...

BẦY CÒ BỎ ĐI

Rồi một ngày tất cả những con đường túa ra từ tim thành phố
Bỗng bấn loạn như bầy rắn bị tung mồi lửa
Nhông nhênh trên một con rắn hoa, tôi tìm về điểm gặp những con đường

Em bối rối nhìn tôi từ đuôi một con rắn khác.

Em ngu ngơ đến nỗi sự hoài nghi không còn chỗ đậu
Lúng túng như bầy cò trước cánh đồng đầy những hình nhân
Điều tôi muốn tìm là cây kim nằm trong quả trứng
Quả trứng ngủ yên trong bụng con cò

Tôi hung hãn giật tung những con bù nhìn
Em run rẩy, tái nhợt như miếng gỏi vắt chanh
Sự hoài nghi ào ào hạ cánh
Tôi nép mình như cóc nhái
Hồi hộp chờ một quả trứng hồng...

Cánh đồng mộng tưởng của em rũ rượi xác xơ
Bầy cò bỏ đi
Để lại vô vàn quả trứng...

NGUYỄN QUYẾN

CON ĐƯỜNG TRONG MƯA

Dâng lên những đám mây đen đánh đắm bóng đen nghi ngờ của những con mắt giả
Như những con cá đen lút sâu trong vòm sáng
Những đám mây chậm chạp tuồn vào thành phố
Nơi những vòm cây không tin vào những tầng rễ thấp
Nơi những ngôi nhà sợ hãi mang những cột thu lôi

Chống lại cô đơn chúng ta ngủ với nhau trên chiếc giường hẹp
Với những bữa ăn cuống cuồng bên cạnh chiếc áo tắm nằm chết như một con chim
Âm thanh chỉ còn bộ lông rực rỡ chết đi trong cơn khát
Và những cơn khát âm vang vọng dậy
Sau khi đã mỏi mòn tìm kiếm sự phân tán hồi ức âm thanh
Và ánh sáng giả đã lịm đi trong vòm cong thành phố
Khi đám mây mang sấm sét ngang qua

Như hối thúc một niềm nhân ái mới
Một người đàn bà ra khỏi mái hiên
Kiêu hãnh bước đi không chờ một ngôi nhà ngỏ cửa
Và tiếng gõ sẽ vang lên trong bóng tối chúng ta

Người đàn bà ẩn hiện trong mưa
Trong giấc ngủ nín câm của thành phố
Mưa tắm rửa cho người đàn bà và bóng đêm vụt đen linh động
Những đám mây trôi theo như bầy chim lớn
Vỗ cánh vào giấc ngủ chúng ta

Và khi người đàn bà sẽ gục xuống vì lạnh
Một tia sét rống lên hân hoan gầm vỡ bóng đêm
Chúng ta rùng mình cắn phải lưỡi trong khi ân ái
Nhưng con trẻ không chịu nổi luồng âm thanh lớn
Chết ngay trong nôi bé bỏng của mình

Tia sét chói ngời phóng thẳng xuống người đàn bà
Như lưỡi gươm sáng cắt ngang những đám mây đen
Thịt da người đàn bà rực sáng hắt hào quang lên thành phố
Trong khoảnh khắc chúng ta thấy khuôn mặt người tình

Như nhận nỗi đau từ cám dỗ tương lai
Ánh sáng thiêu cháy thịt da người đàn bà và cùng tan biến
Chỉ còn những cơn mưa hoa từ trời cao đổ xuống
Trái đất được xức hương bởi lầm lỗi của mình.

SỐNG LẠI THẾ GIAN

Khi tôi vớt nàng lên từ đáy nước
Như dồn tới hào quang xưa chúng ta thấy được
Đầm đìa tỏa quanh nàng
Da nàng sáng trắng như một bờ mây nổi
Đính những vành hoa lên đỉnh nắng trời

Và thảm cỏ cưới giấu kín chúng tôi
Đam mê ngủ với người đàn bà đã chết
Nàng không còn tiếng gọi của vòm đùi hay khuôn ngực
Khi nước đã thành rượu trên thân xác của nàng

Không cảm giác nào chống lại máu thịt tôi
Cuồng nhiệt lút sâu vào tiệc cưới
Không có chúc tụng, không có reo mừng
Khi thời khắc xưa còn chưa tỏ lộ.

LƯU HY LẠC

HOUSE OF MUTTIS

hợm, trời ngái
sét
đánh
sắt trưa
trắng mắt, bạnh
mặt dầu
dãi
khô
má
in vàng
bạc
đoảng
thưa bác con ngoan

LÊ GIANG TRẦN

CHIẾC BÓNG QUÊ HƯƠNG

Em hãy thắp ngọn đèn bên sông vắng
để chiều hôm nhìn thấy lạnh ngàn lau
đóm lửa mù u lao chao trong lòng kiến cắn
con cá quẫy trên sông tưởng tiếng mái em chèo.

Em hãy thắp sao Mai vào ngọn trúc
để đêm nằm đưa võng nhớ xa đâu
gốc tre măng kẽo kẹt nghiến thêm rầu
sao chớp nháy trên trời như rớm mắt.

Nhớ tưới nước cây sầu riêng trồng trước cửa
đắp chưn ba bụi chuối mé sau chuồng
cho thơm riêng đời em sầu ắp ngực
rung xạc xào buồn tủi dú trong tim.

Em hãy hát đưa em chiều nắng tắt
thả cánh diều ngậm sáo thổi ban trưa
cho con kiến mùa mưa về dọn ổ
tha trứng tìm gò đứng lại ngẩn ngơ.

Em hãy dọn cơm chiều lên ngựa gõ
cá canh thơm nhớ đậy kín lồng bàn
con ruồi đói vo ve vành mâm hở
chạng vạng đốt đèn nhớ niệm Phật thắp nhang.

Em hãy hát cho mặt trời say mạ lúa
cho ruộng thơm mùa sữa đọt đòng đòng
cho anh nhớ mắt em cười sáng rực
chiếc giường tre lỏng nẹp nhịp đinh long.

Con sò trai ngậm ngọc nuốt cười
anh cũng ngậm nỗi sầu không cạy miệng

sầu dưới biển có vôi vò nên ngọc
sầu nhân gian sao mòn héo trái tim người.

Đời trôi dạt sống tình cây nhớ cội
thương xin đừng viết chữ lạnh như gươm
cho anh đọc đứt ra từng khúc ruột
thấy đời như tuồng tích hát thương tâm.

Em cứ thắp ngọn đèn bên sông vắng
treo trăng sao đầu ngọn trúc ngọn tre
hát đưa em lắc võng giữa trưa hè
dọn cơm nước bày lên ván ngựa

thắp nhang ông bà niệm Phật thành tâm
nước ngàn sông sẽ chảy về nguồn cội
chim lạc bầy bay trở lại đồng xanh
con ba khía, con cua, con rệm, con còng

ăn trái mắm sẽ trở về rừng mắm
huống hồ chi người xa quê nhớ ruộng
trở về, tay bụm nước uống như hôn.
Ôi chiếc bóng quê hương theo chân đời viễn xứ

có nhiều khi như vợ khóc níu chân chồng.

BẾN XE ĐÓ

vào ra cái bến xe đò
xe ra inh ỏi, xe chờ nằm im
có hôm đổ xuống phố quên
những oan khiên mới, những tình tội xưa
có ngày đến ít đi thưa
buồn tanh quán vắng lại mưa xám trời
có hôm lính tráng xa xôi
ào về gió bụi còn mùi phương xa.
Bến nào cũng lắm xót xa
ăn xin sống quẩn ngã ba góc đường
có cô xuống bến hỏi đường
dung nhan ủ dột mắt buồn man man
có chàng bị túi than van
đường trăm vạn nẻo, đời thang thênh dài
có em mặt ngọc mày ngài
ngác ngơ lơ kéo, bác tài xế vây
có giang hồ dạt về đây
qua đêm uống rượu, khướt say lên đường
có khuya tiếng guốc má hường
lượn qua lượn lại trên đường ngớt mưa
có ngày bến vắng lưa thưa
tiếng rao hàng gánh giữa trưa vợi buồn.
Bến xe nhộn nhịp sáng chiều
kẻ lên người xuống lúc nhiều lúc vơi
bến đi, dậy tiếng thúc còi
bến về, ra tiếng nói cười đón nhau
chuyến thanh xuân đã rời lâu
chuyến đời tài chót xôn xao gọi mời.

NÓI CHUYỆN VỚI ĐỖ KH.

Thụy Khuê thực hiện

T.K: Anh Đỗ Kh., anh là người cầm bút sống ở ngoài nước và có nhiều dịp để về nước, xin anh cho biết tình trạng thơ ca ở trong nước và tình trạng thơ ca ở ngoài nước hiện nay ra sao?

Đ.K: Theo tôi thì tình trạng thơ ca trong nước hiện nay đầy hứa hẹn tuy là nếu nhìn lại nửa thế kỉ vừa qua thì có hơi trống vắng. Ba mươi năm chiến tranh và hai mươi năm đóng cửa là tình trạng chung của cả nước về tất cả mọi mặt, văn hóa cũng như v.v.. kinh tế này kia. Nhưng có lẽ trong ba mươi năm chiến tranh thơ là ăn bom nhiều nhất cũng như trong hai mươi năm đóng cửa thơ là bị ăn độn nhiều nhất.

Rất may là trong cái sa mạc này vẫn có những ốc đảo, kể cả những ốc đảo thật và những ốc đảo do ảo ảnh sa mạc gây ra. Đây đó vẫn đếm được nhiều tòa nhà, thấy được những công trình xây dựng quan trọng nhưng những công trình này, những tòa nhà này không đủ để làm nên một thành phố. Một thành phố phải là những con đường hội tụ và tôi có cảm tưởng chỉ có thế hệ lớn lên và thành niên trong thời kì đổi mới, nghĩa là vào cuối thập niên 90 này mới là những con đường đang hình thành nhen nhúm đó.

Ở ngoài nước thì khác hẳn. Ba mươi năm chiến tranh ở trong nước cộng với hai mươi năm đi ra ngoài tự đóng cửa tôi nhìn tôi trên vách, tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ, khi tôi chết xin mang tôi ra biển vv...tôi thấy hình tôi những miếu đền làm cho thi ca hải ngoại không những đã trống vắng lung linh mà còn hoàn toàn không có một hứa hẹn gì hết. Theo tôi thì, đây là một nền thi ca bảo tàng trân trọng những kỉ vật không đáng quí.

Mới qua, nhân lúc về nước tôi có dắt con tôi đi chơi sở thú ở Hà Nội. Trong đó có một con voi không còn nhúc nhích được nữa, bị xích cả bốn chân vào bốn góc; một con sư tử rất là tội nghiệp ốm đói; có cả mấy con mèo nữa, không phải là mèo rừng hay là mèo hoang mà là thứ

mèo nuôi trong nhà, nhưng là mèo tây, mèo xiêm hay mèo thái, chắc bởi vì lạ nên mới được chưng trong chuồng sắt với bảng đề cẩn thận "Cấm thọc tay vào, coi chừng bị cào", tôi có cảm tưởng đây là hình ảnh thơ ca Việt Nam ở ngoài nước. Đó là chưa nói, dĩ nhiên, sở thú nào cũng có rất nhiều khỉ.

Tóm lại, trong nước không có gì nhưng có tương lai. Ở ngoài nước không có gì, chẳng những đã không có tương lai mà không có cả quá khứ gì đáng nói nữa.

T.K: Có thể nói có sự lạm phát thơ trên báo chí không?

Đ.K: Tôi không nghĩ vậy. Ở trong cũng như ngoài nước có nhiều thơ trên báo chí, cũng như có nhiều hình người mẫu, hoa hậu vậy, có càng nhiều thì càng tốt thôi. Đó là chuyện rất tốt. Năm nay thì hơi trễ rồi nhưng sang năm tôi nghĩ thế nào cũng có người xuất bản lịch thơ, khổ lớn 12 tờ giấy láng, hay là khổ nhỏ mỗi ngày một bài để bóc, 365 bài kiểu Tam Tông Miếu.

T.K: Nói một cách nghiêm chỉnh hơn, về quan niệm thơ của Đỗ Kh., anh làm văn khác làm thơ như thế nào, và trong thơ anh, anh đặt trọng tâm lên những yếu tố gì, đại khái là hình tượng hay là tư tưởng?

Đ.K: Tôi chỉ biết làm văn khác làm thơ ở chỗ làm văn cần có cái nỗ lực và viết thơ phải có cái cảm hứng. Tôi xin lỗi chị không trả lời được câu hỏi này vì tôi nghĩ viết được thơ đã là khó rồi, nếu còn phải quan niệm nữa thì...quá khó. Việc làm thơ của tôi chỉ có một yếu tố là nguồn hứng. Mượn câu "Có nhiều khi tôi quá buồn" của Hoàng Phủ Ngọc Tường, những khi tôi quá buồn thì tôi làm thơ, thường là những lúc đêm đang lên hay những khi chiều xuống.

T.K: Về tình hình người làm thơ, có vẻ như là rất nhiều người không rõ bản chất thơ?

Đ.K: Đây là chuyện vô cùng, chính tôi cũng không rõ bản chất nữa. Nhưng tôi nghĩ người làm thơ không rõ bản chất thơ cũng không sao, không sao hết, miễn có làm là quí rồi. Nhưng những người phê bình, tuyển chọn, biên tập thơ mà cũng không rõ bản chất thơ thì là điều nguy hiểm.

T.K: Anh là một trong những người chủ trương Tạp Chí Thơ tại hải ngoại. Xin anh nói về những vấn đề hoặc những khó khăn của Tạp Chí Thơ hiện nay.

Đ.K: Trước hết những vấn đề của Tạp Chí Thơ là những vấn đề rất là cụ thể, như kinh phí in ấn, công việc phát hành, cước bưu điện vv... Số lượng đọc giả dài hạn hiện nay là 17 người, nghĩa là số thu nhập đều đặn rất là yếu trong khi Tạp Chí được gửi đi mỗi số hàng trăm cuốn. Tỉ lệ thu nhập ở các nhà sách cũng tương đương như vậy, nghĩa là gửi rất nhiều mà thu lại...chẳng bao nhiêu. Cho nên Tạp Chí được duy trì là nhờ đóng góp của anh chị em, trong đó trước hết là anh Khế Iêm. Tuy nhiên, về đường dài, tôi nghĩ là phải có một số đọc giả dài hạn nào đó đủ để bảo đảm cho phần ấn hành. Đây không phải chỉ là vấn đề riêng của Tạp Chí Thơ mà là vấn đề của rất nhiều tạp chí ở nước ngoài...

Một vấn đề khác là Tạp Chí Thơ có nhận được rất nhiều những sang tác thơ, nhưng các bài phê bình, lí luận về thơ thì rất thiếu. Những người chịu khó và năng nổ phê bình như Trần Mạnh Hảo chẳng hạn bây giờ rất hiếm.

T.K: Trước khi từ giã, xin hỏi anh câu hỏi chót về sự lựa chọn các bài để đăng báo, có thể nói là có sự cẩu thả trong việc này hay không?

Đ.K: Tôi nghĩ ngược lại, không có sự cẩu thả mà hiện nay ở cả trong lẫn ngoài nước đều có sự rất là cẩn trọng trong việc chọn lựa các bài để đăng tải. Nếu các vị chủ bút, biên tập báo mà cẩu thả thì đã...may cho thơ. Cẩu thả và lạm phát theo tôi là điều kiện để thơ phát triển, để những mầm móng mới lăm le, len lỏi và manh nha. Trên các báo hiện nay rất nhiều thơ xinh xinh quá, toàn là hoa thơm mà không có cỏ dại. Có lẽ giờ thơ không hẳn phải hay phải đẹp nữa, mà phải dở đi. Thơ, dở cũng được.

Điển hình là nếu cầm tờ Văn Học ở hải ngoại lên, chẳng hạn số Xuân Bính Tý, riêng về thơ, đọc có cảm tưởng đây là Xuân Ất, Giáp hay Canh Tý nào đó; nghĩa là vẫn thế, năm 96 vẫn là không khí rộn rịp của Sài Gòn 1972 hay 1960 gì đó, mà còn kém hơn nữa. Tức là lãng mạn tiểu tư sản thì thua Quang Dũng năm mươi năm về trước và ẻo lả bần cố nông thì thua Bùi Giáng bốn thập niên trước đây. Tất nhiên là những tờ khác, cả trong lẫn ngoài nước, cũng vậy thôi. Tờ Thế Kỷ 21, nói về

thơ, thì phải gọi là tờ Thế Kỷ 19, lục bát phải kém Nguyễn Du, có khi là Thế Kỷ 13 nữa, Đường luật ắt kém Lý Bạch, Đỗ Phủ.

Ở Long Beach, miền Nam Cali, người ta có mang về để bến một du thuyền lớn không còn đi biển được nữa, là tàu Queen Mary. Họ chuyển tàu này một phần làm khách sạn, phần làm nhà hàng nổi. Tôi thấy thơ Việt hiện nay giống như là một đám thực khách ăn mặc rất đẹp và khiêu vũ rất điệu bập bềnh trên một con tàu không còn đi biển được nữa, trong khi thơ có lẽ phải là một hành trình bấp bênh và nguy hiểm trên một chiếc ghe sắp sửa vượt biên.

CAO ĐÔNG KHÁNH

CÁNH ĐỒNG TRẦM THỦY

Mở cửa. Không gian. Mở. Thật lâm ly
thêm mùi mồ hôi trộm
đàn bà của tôi. Liên bang. Hiệp chủng.
Đường ranh giới như sợi dây ảo thuật
tháo gỡ gút mắt trắc trở
đi thăm thế giới bằng thông hành thường trú của Hoa Kỳ.
Nơi nào cũng có Việt Nam chật nhân loại.
Nhìn ngắm tấm thân em bằng
cặp mắt Chử Đồng Tử.

*

Mùa gặt trên không trung. Mở cửa
trại tế bần nhân loại.
Lấy con mắt giả đập nát giữa bàn rượu
khuya khoắt chẳng hồi tâm
anh cúi xuống đáo để.
Cúi xuống
mất mặt mày.
Lịch sử vẫn tiếp tục chảy
máu từ lỗ thị giác phế thải

*

Mở cửa kiểu cách tôi. Mở. Võ hiệp kỳ tình
mỗi thế giới láng giềng.
Miếng miếng lựu đạn còn kẹt góc trái tim
anh giữ se sắt ký ức cánh tay não nùng ôm
khi anh rời châu thổ ra biển qua

bát ngát những lãnh địa trầm thủy
nồng nực mùi phù sa.
Cái con Việt Nam ngoài chợ trời năm châu
kỳ vẫy đời tư nạm bạc giác vàng

*

Mở cửa New York, San Francisco, Seattle, Houston. Mở cửa Đồng Tháp Mười, Long Xuyên, Rạch Giá, Cà Mau.
Cái Răng. cái Tắc. Cái Vồn.
Trên nóc cao ốc trùng trùng đàn ông. Chót vót, điệp điệp đàn bà.
Cái Lớn. Cái Bé.
Những bái vật muôn năm trong gốc gác con người, cái răng, cái tóc, cái lồn. Cái hồng vía còn tươi.
Kẻ di tản đã ra khỏi đường chân biển
và bao nhiêu đường chân trời không ai nhớ rõ.
Đi hết ánh sáng. Đốt lửa ngoài giới hạn.

*

Mở cửa không trung. Mở. Vô tận.
Những chuyến tàu chuẩn bị
nhân công sẵn sàng
chờ đợi giờ khởi hành. Mùa gặt hái hư vô.
Ngọn lửa trái tim tôi hồi hộp. Ly kỳ
dẫn vào da thịt bóng tối. xúc cảm
nhìn về phong cách địa cầu
nơi em ngồi rửa chân ngoài hồ sen, nắng ở đó phản chiếu ngang thế giới.

*

Mở cửa sông. Những trận mưa không dứt mặt trời,
nơi em chống xuồng, đi
dọn dẹp những khu rừng mắm.
Phù sa lục địa ửng đỏ dấu chân còng
Anh cắt phắt 9 con rồng mở mang bờ cõi
ngũ quan Thái Bình dương. Tất cả đổ mồ hôi.
Chim kêu hạnh phúc trong tỉnh trí.
Khi thủy triều rút lui

bầy cá sấu đội đèn dẫn nước ngọt ra làm thịt hải sản
Bằng tốc độ ánh sáng em đi theo dấu chân bóng tối
Trên thượng tầng xi măng cốt sắt. Hở ra,
dọn mình, chín tới, tươm mật, chảy nước. Rượng đực.
Đáp xuống thằng đàn ông còn sung
cái đầu rồng hung dữ.
Từ cánh đồng trầm thủy bao la
dinh thự nổi linh đình trên mặt Nam Hải
quặng mỏ thịnh hình trong ruột đất đang thuần
chim Âu đáp xuống rợp trời
sông rạch mới đâm chồi, nẩy tược,
ra bông, kết quả, trái mãng cầu dai ngọt đậm.
Thuyền không gian cập bến.
Lúa sạ mọc cao vùn vụt theo con nước lớn
Đêm trăng sao như châu ngọc kết đèn mở hội hoa đăng
Con gái sinh ra hương thơm ngào ngạt

*

Cánh đồng Tương. Cánh đồng không trung. Cánh đồng trầm thủy
Phụ nữ biên cương nhổ núi đánh giặc trời
Phật Nguyệt phá thiên tướng dẹp thiên binh
những gần 3000 năm trước tây lịch
chị em nhà họ Trưng, nữ tướng Hoàng Thiều Hoa, liệt nữ Trần Thiếu Lan...
Con đàn bà của cái huyền sử trăm con
Sầm uất tiền sử người di tản
Chim Âu cất cánh rợp trời
Cây mắm dựng lên cái đầu rồng mê ly

*

Cánh đồng không trung. Cánh-Đồng-Trầm-Thủy
Em mở khóa vô biên. Anh mở chốt tinh sương.
Mâm triển lãm kỳ hoa dị thảo
cái mõ, cái chuông, cái âm, cái dương, cái con người chứa chan phú quý
Đoàn ghe tam bản dựng lộng kết hoa
kinh rạch thấp, sông ngòi cao
đưa nàng về dinh. Chim én làm tổ

hưởng hạnh phúc 3 năm
sinh con đẻ cái hương thơm ngào ngạt
Đi đâu cũng trở về. Mỗi năm, huyền sử, một lần
ra giêng hết sức.
Hẹn gặp nhau trên Cánh-Đồng-Trầm-Thủy

ĐỖ KH.

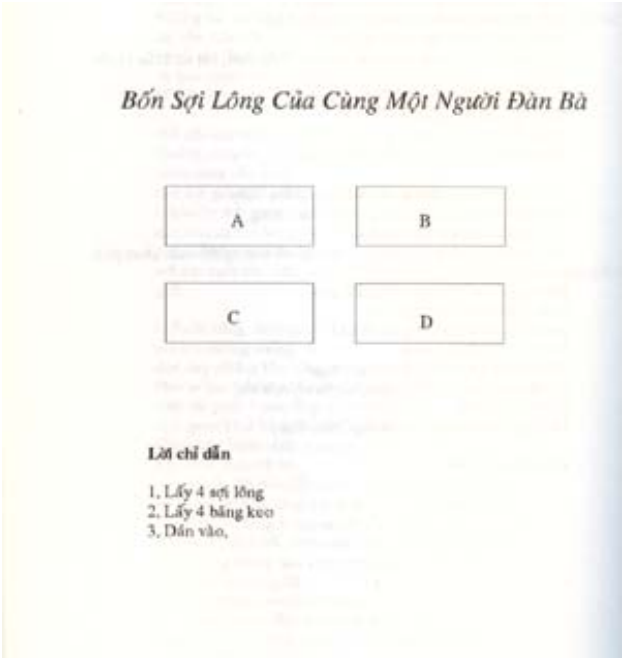
Bốn Sợi Lông Của Cùng Một Người Đàn Bà
A
B
C
D
Lời chỉ dẫn
1. Lấy 4 sợi lông
2. Lấy 4 băng keo
3. Dán vào,

BÀI TẬP *

Tôi buồn ngủ như tôi buồn nôn
Thanh Tâm Tuyền

Tôi yêu đương như tôi yêu cầu
Tôi yêu cương như tôi yêu đầu
Tôi đi tây như tôi đi tầu
Tôi đi tâu như tôi đi cày
Tôi đi cây như tôi đi tàu
Tôi đi tây như tôi đi cầu?
Tôi làm tàng như tôi làm tình
Tôi làm tình như tôi làm biếng
Tôi nổi buồn như tôi nổi tiếng**
Tôi chơi đàn như tôi chơi điếm
Tôi thất tình như tôi thất đảm
Tôi bạc tình như tôi bạc đạn***
Tôi âu sầu như tôi âu yếm
Tôi mô đen như tôi mô phật
Tôi văng nhân như tôi văng vật
Tôi nói láo như tôi nói thật
Tôi ăn thua như tôi ăn quịt
Tôi xa xôi như tôi xa thịt
Tôi qua đời như tôi qua quít
Tôi điểm trang như tôi điểm huyệt
Tôi thổ thơ như tôi thổ huyết
Tôi nhà thơ như tôi nhà thổ
Tôi cần nhôm như tôi cần thiết
Tôi Vu sơn như tôi vu khống
Tôi Tiêu Tương như tôi tiêu tiền
Tôi định thần như tôi định quỷ
Tôi Tiêu Sơn như tôi tiêu hủy
Tôi tráng miệng như tôi tráng sĩ
Tôi giở mình như tôi dở hơi
Tôi buồn ngủ như tôi buồn cười

03/96

* Tựa của tập thơ Nguyễn Chí Hoan

** Nguyễn Bính, theo Tuấn Vũ: "Hai người sống giữa cô đơn / Nàng

như cũng có *Nổi* buồn giống tôi".

*** Apollinaire: "Sous le pont Mirabeau coule la bielle"..., dưới chân cầu Mirabeau bể bạc đạn.

QUỲNH THI

THƠ THỰC TẠI

1- Thơ Phương Đông

Người ta sùng bái kinh điểm
Bước chân khai phá
Dừng lại
Bao ngọn núi kếch sù
Chắn lối
Ý tưởng không thể nghèo nàn và cô đọng
Lẩn quẩn trong ngôn từ tù túng âm và điệu
Xám ngắt như miếng cơn giông bạo tàn
Điều lạ lùng cho thế giới
Ngươi yêu tự do
Ngươi lại không dám tự do
Ngươi không dám làm tiên tri
Phúc âm cho thơ
Ảo tưởng của bệnh nhân
Là sức khỏe vẫn đều

2- Thượng Đế

Sáng tạo ra sự thật
Sự vật khiến tạo nên thi sĩ
Thi sĩ phả hơi thở vào con người
Như nước vào lửa
Dội lên mặt địa cầu
Ngày và đêm
Sống và chết
Nhưng thơ trước sau vẫn là thực tại
Hằng hữu
Từ khi có Thượng Đế

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

TÔI LÀ NGƯỜI, KHÔNG MUỐN CẦN SÚC SINH

Ông bà (nội, ngoại)--bố mẹ
Bạn gái vợ ngày xưa...
Vợ bây giờ
Vẫn gọi tôi là khỉ gió.

Đôi khi cũng gọi tôi là khỉ đột
Nhăn như khỉ ăn gừng
Gắt như khỉ húp mắm tôm.

Tôi là súc sinh
Đêm đêm em ôm tôi vào lòng và nói:
"Anh là chó con,
là mèo con, gà con, là chuột..."

Tôi làm ngựa cho con tôi cưỡi
làm bò, voi, hổ, tê giác...
Đêm đêm gầm thét, hý vang nhà,
Khạt khà, khạt khịt...
Phì phà, phì phò...
Căn phòng nhỏ ồn ào
Ầm ĩ như sở thú.

Tôi chỉ tức khi bạn bè
Cũng có thằng gọi tôi là chó,
là lừa, ngựa, lợn, bò, trâu, gà...

Chó thật!
Nhiều khi tôi chỉ muốn là người.
Không muốn làm súc vật.

NGUYỄN ĐĂNG BẢO LỘC

NHỮNG Ý TƯỞNG CHỢT ĐẾN KHI ĐỐT THUỐC

Tiếng còi xe hú rú ngày
Thản thốt thức giấc
Dò dẫm đốt điếu thuốc
Chạy xe quá tốc độ vượt đèn đỏ
Nhớ lại thêm một lần giật mình

Ngó ngang qua công viên
Thấy một người điên ôm mặt khóc
Mấy con chim trắng của biển cả
Giành ăn bên ghế đá
Bà già đội khăn đen

Thèm uống một ly càphê không đường
Đốt thêm một điếu thuốc
Thật cần thiết như sau cơn làm tình
Khi ngồi không gậm nhấm những kỷ niệm mỗi ngày mỗi nhạt

Chán nhất là lúc chia tay
Càng yêu nhau lắm càng cắn nhau đau
Ừ, cắn, cắn, cắn một miếng thật sâu đi cho tối sầm
Trái đất tối sầm
Nhật thực toàn phần
Mặt trời bị mặt trăng ăn

Có một con chim trắng già nua
Chiều nay đứng lặng yên trên cột đèn nhớ biển
Rồi đột nhiên té thẳng xuống lòng đường đông xe cộ tự tử

Đốt thêm một điếu thuốc
Nhiều khi chán thật chán cũng chỉ cần một điếu thuốc

ĐINH CƯỜNG

CÓ NHỮNG NGÀY LONG LANH NƯỚC MẮT

tặng N.M.Hg

người đàn ông vẫn ngồi một mình
trên chiếc ghế cũ kỹ
chiều mù tăm. cuối năm
gió lạnh. gió rất lạnh, ngoài thềm hoang...

có những ngày long lanh nước mắt
là muôn vàn hạt tuyết thủy tinh
trên những đọt cây khô, xuyên qua nắng hiếm
con chim màu đỏ gạch không về.

người đàn ông vẫn ngồi im
vạch thử một đường chì than
khuôn mặt của tháng chạp
với hàng thập tự giá, những bó hoa tươi
vẫn thì thầm bên nhau, ngoài nghĩa trang
cho người nằm yên dưới mộ
có điệu ru của loài cỏ hoang.

mặc cho những người trên trần gian tiếp tục
múa may. quay cuồng. những vòng hào quang giả.
nên chiếc mũ đen, bộ râu, đôi giày,
cây gậy của Charlie Chaplin
lúc nào cũng làm ta ứa lệ.

tháng chạp rồi, Cybèle
con gà vẫn còn nguyên trên thánh giá
nóc giáo đường cao vút...

người đàn ông vẫn ngồi im

một mình, trên chiếc ghế cũ kỹ
nghe "...từ vườn khuya bước về.
bàn chân ai bước nhẹ
tựa hồn những năm xưa..." (*)

31.XII.1995

(*) Phôi pha, ca khúc TCS

TRỊNH THANH SƠN

MỘT CHÚT KHÁC BIỆT

Người đàn ông yêu người đàn bà
Khác hẳn chàng trai yêu cô gái
Người đàn ông yêu hay liếc đồng hồ
Còn chàng trai yêu mong trời chóng tối

Người đàn ông yêu người đàn bà
Ngồi tính chuyện cửa nhà, con cái
Còn chàng trai yêu cô gái
Giống như hai kẻ mộng du.

Người đàn ông yêu người đàn bà
Giống một con đực yêu một con cái
Còn chàng trai yêu cô gái
Giống như hai thiên thần...

Chỉ có một điều làm ta phân vân
Chỉ có một điều giống nhau mãi mãi
Người đàn ông là chàng trai xưa
Và người đàn bà chính là cô gái.

Nguyễ n Du trước Nghiệt kính đ à i
Phụ bả n Hồ Minh Dũ ng

LÊ THÁNH THƯ

XUÂN EM

Ngày cả gió
em về,
nụ cười phủ bóng đèn
đỏ cái nhìn trai tân
phồn hoa
bần thần
kẻ mộng
ngậm bùa ăn ngải
đêm mê
giấc đàn bà

Em xa
mưa như sông dựng đứng
buồn bộ lạc
kẻ mộng
cuồng mê
giấc lọ lem
trắng đêm

xuân em
người đàn bà trên lưng con thú.

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

GIÓ KHÔ

thương kính
nhà thơ Hoàng Trung Thông

Người "mời trăng" giờ trăng mời người
rằm cuối năm Nhâm Thân trăng lu vì bận
rượu với thi nhân vừa vào thong thả
"biển chỉ biển"
rượu chỉ rượu
bao nhiêu là đủ
người khuất vào trăng người không khuất vào
người
Bác Thông giờ ngồi ở đâu
những quán rượu Hà Nột mặt phố hay ngõ sâu
bè bạn đồng niên và vong niên hỏi nhau
những sợi khói hương khâu có với không
rùng mình chưa tan được
gió lật sách Viện Văn và nhắc
người "muốn uống rượu trong"
"lại phải uống rượu đục"
một thế chữ thế chấp bằng gần bảy mươi năm
mở mắt
"trăng biết đâu lòng ta lệ đầm".

Gió khô đi đâu cho ta theo cùng
"ta thương ta thương người xa thương thầm".

* Những chữ trong ngoặc kép là trích thơ H.T.T

CÁCH ĐỌC

Nguyễn Hoàng Nam

Ba con ếch, từ một đám sậy trong đầm, nhìn qua cửa sổ thấy cái tủ lạnh đựng bia trong nhà. Một con khởi đầu bằng giọng ếch "Bợợt"; con kế bên tiếp theo "waaaiz"; con chót kết thúc "zơơơ." Cái này không phải cõi siêu thực, khi vô thức chạm trán với ý thức, nảy ra cái merveilleux quái gì đó. Đây là quảng cáo bằng graphic của máy điện toán. Cứ đàn bà đẹp mặc bikini tay cầm chai bia hoài cũng chán, hãng Budweiser bịa ra trò mới cho vui. Mà quảng cáo là dĩ nhiên lập đi lập lại nhiều lần trên truyền hình, để ngấm vào đầu chúng ta hiệu bia và cái thông điệp ngầm "Eách mà còn thích bia Budweiser huống gì người." Hay có thể xỏ lá hơn, nếu chúng ta nghĩ kỹ: "Người mà không thích bia Budweiser thì còn thua ếch nhái."

Đó là chuyện quảng cáo. Mà quảng cáo thì cái gì cũng được, miễn là tăng số tiêu thụ và đừng bất hợp pháp. Còn thơ?

Trước hết, bài thơ phải thế nào? Đưa ra vấn đề có nghĩa là đã đặt giới hạn, trong khi thơ thật sự không nằm trong một giới hạn nào. Chúng ta phải bắt đầu từ "bài thơ là cái gì và thế nào cũng được" để đặt câu hỏi cho đúng: khi hoàn toàn tự do trong thể loại và cách diễn đạt, tác giả đã chọn lựa thế nào và chọn lựa cái gì? Và từ đó, chính người đọc chọn lựa cái gì?

Như vậy bạn đọc quen với lối đọc thơ Việt Nam lâu nay dễ gặp trở ngại.

Đối với bài "Ti vi ký" bạn có thể cảm thấy khỏi cần đọc, khỏi cần chiêm nghiệm chữ nghĩa có gì ghê gớm không, ý tứ có gì sâu sắc, có bộc lộ một nỗi đau mơ hồ nhưng vĩ đại nào không. Phản ứng đầu tiên của bạn là liên tưởng ngay tới quảng cáo của hãng bia, mà ông Khế Iêm

đã ngang nhiên chôm gần như nguyên con và tỉnh bơ thẩy nó ngay trước mặt bạn. Tác giả rõ ràng đã lợi dụng trắng trợn sự phổ biến của quảng cáo bia Budweiser. Bạn có thể cảm thấy khó chịu vì tác giả có vẻ không biết xấu hổ là gì, có vẻ chẳng đếm xỉa tới sự trông đợi một thái độ nghiêm trọng, cao cả mà người Việt Nam thường xem như đi đôi với một con người chữ nghĩa, và hơn nữa, một chủ bút của một tạp chí văn chương. Bạn càng thấy khó chịu hơn khi thấy những dòng chữ nhỏ phía dưới dường như chứa đựng nhiều hơn bài thơ phía trên, nhưng lại không phải là "ghi chú" để làm rõ nghĩa một điều gì, mà là "cách dùng" như thể bài thơ là một thứ đồ vật thường ngày, như máy hát, bàn ủi, thuốc cảm, áo mưa v.v.

Tôi đang cố gắng lựa lời để khỏi làm mích lòng bạn: Nếu bạn có những triệu chứng vừa kể thì cách đọc thơ của bạn đã lỗi thời, và ngay chính sự lỗi thời đó cũng chẳng có một nền tảng lý luận vững vàng gì.

Bạn thử suy nghĩ về những điều tôi trình bày. Thứ nhất, thơ không còn là báu vật làm trang sức cho địa vị của những quan huyện, ông đồ, và những người du học từ Pháp về (tôi chẳng rõ những người này đã học được gì; thử đặt một câu hỏi căn bản nho nhỏ: nếu chúng ta chịu nhiều ảnh hưởng thơ Pháp cuối thế kỷ 19, tại sao gương sáng của Rimbaud không thấy nhắc đến, tại sao chúng ta có quá nhiều người chẳng có điều gì để nói mà không chịu ngưng viết?) Thứ hai, người làm thơ không dại gì muốn làm thượng đế. Sự tự nhận một sứ mệnh cao cả để nhìn ra cách cứu rỗi nhân loại là việc vô ích. Nhiều kẻ có tài thiên bẩm đã thất bại, như Rimbaud đã thất bại và Bréton đã thất bại (lại thêm một câu hỏi về bài học từ ảnh hưởng thơ Pháp); đối với những người có tí năng khiếu lai rai, nó là trò kiêu ngạo tự đánh lừa, mà kết quả chỉ là sự lãng phí thời giờ học hỏi và rèn luyện. Thứ ba, bạn có hiểu "lãng mạn" là gì không? Nhiều nhà thơ, mà bạn hằng tôn sùng một cách dễ dàng và vô điều kiện, không thể trả lời suông sẻ câu hỏi này. Cái quan niệm thơ mà bạn đã quen thuộc có một tiến trình kỳ cục. Nó bắt đầu, trễ khoảng 50 năm, bằng ảnh hưởng của thơ Pháp cuối thế kỷ 19, thời kỳ hậu Lãng Mạn khởi đầu Tượng Trưng, và không hiểu sao ở Việt Nam ngang nhiên thành "lãng mạn." Thật ra nó gần như chẳng có gì Lãng Mạn, rất ít hậu Lãng Mạn và rất ít Tượng Trưng, khi chúng ta so sánh nó với cái gốc của những phong trào này. Phần lớn nó là sự phóng đại những nỗi đau không có thật, những lời khen ngợi nữ sinh trung học một cách mơ hồ từ những ông trời con tự xưng là "ta" như trong truyện kiếm hiệp và phim bộ. Những thứ này lập đi lập lại hoài thành ý nghĩa

của thói quen, và bài thơ chỉ còn là một màn tranh tài của chữ—ai cũng đã thuộc lòng cốt truyện tuồng cải lương rồi, tới chỉ để coi đào kép diễn xuất. Khoảng cuối thập niên 60, trễ khoảng 30 năm, tự nhiên nó nhảy phóc qua lấp ló ở ngưỡng cửa Siêu Thực và đứng thập thò mãi ở đó tới bây giờ. Càng kỳ cục hơn là suốt nửa thế kỷ mù mờ vừa kể, lý luận phê bình rất nghèo nàn, gần như không có.

Cho nên những điều trên, và cái quan niệm thơ kèm theo, mới thật sự là khó hiểu. Còn thơ kiểu "TV Ký" thì dễhiểu thôi. Bởi vì nó có truyền thống khárõ ràng để chúng ta bắt đầu.

Trước hết là chuyện ông Tristan Tzara trộn chữ trong một cái bị rồi nhắm mắt bốc ra xếp thành bài thơ. Chúng ta dễ chú ý vào bài thơ và lầm tưởng nó là trò đùa. Thật ra phần lớn ý nghĩa nằm trong cách tác giả làm bài thơ. Bài thơ chỉ đóng vai trò kích thích người đọc tìm hiểu nó được làm thế nào. Oâng Tzara xốc chữ để nói rằng tất cả trong cuộc đời đều tùy thuộc vào may rủi, thượng đế đã chết, trò trẻ nít thú vị hơn những kinh nghiệm làm con người khô cứng ù lì v.v. Chắc bạn cũng đã từng nghe những thứ linh tinh này ở đâu đó rồi. Nhưng điều chúng ta cần nắm bắt là cách làm cũng là một phần của bài thơ, và cách làm có thể là nơi sáng tạo nhất của tác giả.

Kế đến là chuyện ông Marcel Duchamp gửi cái bồn tiểu đi triển lãm. Quan niệm nghệ thuật hiện đại được nhấn mạnh: nghệ thuật không chỉ ở bảo tàng viện, hay trên những trang "cảo thơm," mà chúng ta nên khám phá những điều thú vị nơi những đồ vật thường ngày quanh chúng ta—cái đẹp là do mỗi chúng ta tự chọn. Sự sáng tạo không có gì ghê gớm, ai cũng làm được cả, vì nó không ngoài sự tự đi tìm niềm vui của mỗi tâm hồn, sự đi tìm ý nghĩa chủ quan trong một thế giới vốn vô nghĩa.

Như vậy dễ lên đài danh vọng quá? Không hẳn. Một mặt, ông Tzara là người đầu tiên xốc chữ, cũng như ông Duchamp là người đầu tiên gửi cái bồn tiểu đi triển lãm. Nếu tôi, chẳng hạn, cũng xốc chữ y vậy thì thật là thừa, nghĩa là tôi chẳng nói thêm được gì. Tuy nhiên, nếu tôi thích xốc thì tôi xốc cái khác. Mặt khác, bài học cho chúng ta ở đây không hẳn là chúng ta phải cố làm những thứ giật gân để nổi tiếng, mà là ở cái tinh thần để ý cuộc đời quanh mình để tập nhìn nó một cách khác đi, lạ hơn, thú vị hơn. Đó chính là cái thi sĩ ở mỗi chúng ta.

Thì đó là truyền thống căn bản (mà cái quan niệm thơ của bạn đã lờ một cách ẩu tả và nhảy phóc sang đứng thập thò hoài ở cửa Siêu Thực, như đã nói ở đoạn trên) nhưng mà như vậy thì "TV Ký" muốn nói gì? Hay lập lại lời của mấy ông Dada?

Bạn đừng nóng. Trước hết, thơ ông Tzara từ thời 1916, cái bồn tiểu của ông Duchamp năm 1919, bài thơ của ông Khế Iêm năm 1996, được kể như thuộc thời hậu hiện đại, dĩ nhiên phải nói nhiều điều hơn. Sự áp dụng quan niệm nghệ thuật thời hiện đại dù sao vẫn giới hạn trong cái chủ quan (và sự tự tôn) của những cường quốc: "quốc tế" thật ra chỉ là Nga, Mỹ, và Âu Châu. Trên bình diện xã hội nó càng thu hẹp hơn. Vẫn lấy Dada làm điển hình, những bước khai phá của phong trào này dù sao vẫn chỉ là phản ứng của trí thức cấp tiến Tây Phương đối với sự ù lì trong cái mã hào nhoáng của xã hội trung lưu Tây Phương lúc đó, mà đại diện văn hóa là Aán Tượng—tức là tất cả đều chỉ là chuyện của những anh đàn ông da trắng. (Thí dụ: ông Duchamp triển lãm bồn tiểu thì được hiểu, còn chẳng hạn bà TTKH gửi cái cầu cá tra của chúng ta đi thì không. Những thứ được hô hào là "kinh nghiệm chung của nhân loại" thật ra là cái nhìn của đàn ông da trắng.) Bị chỉ trích kịch liệt trong thời hậu hiện đại, sự độc tôn này đã phai dần trong những năm gần đây để nhường chỗ cho quan niệm chung là tôn trọng những tiếng nói đa văn hóa và đa phái tính—quốc tế thật sự là quốc tế. Tiếng nói và kinh nghiệm của thế giới thứ ba, của các sắc dân thiểu số ở Tây Phương, của phụ nữ, và của thành phần đồng tính luyến ái, đã thành những truyền thống rõ nét trên văn đàn quốc tế.

Như vậy, mặc dù có thể sử dụng những thể loại và lý thuyết có truyền thống từ Tây Phương, bản sắc và tinh thần của chúng ta vẫn được thể hiện. Bởi vì chúng ta nói chuyện của chúng ta, theo kinh nghiệm của chúng ta, không phải nhắm mắt lập lại và ca ngợi kinh nghiệm của các tên tuổi lớn Tây Phương như thế hệ trước đã làm ở Việt Nam. Chúng ta có thể hiểu "TV Ký" là sự châm biếm đời sống tinh thần tê bại, đầy lừa bịp quảng cáo của người sống ở Tây Phương, nhưng con ễnh ương lại là biểu tượng của Việt Nam. Tức là bài thơ cũng có thể là một loại "xa quê hương nhớ mẹ hiền": xem ếch trên TV nhớ con ễnh ương dưới ao xưa. Một người chủ trương hòa hợp hòa giải có thể nghĩ rằng "ễnh ương và bia còn đồng điệu được, huống gì là...quốc gia và cộng sản." Một người bảo thủ có thể chửi tác giả dám đem bản sắc dân tộc ra đùa giỡn (dù nó chỉ là...con ễnh ương.) Hay bài thơ có thể là một cú xỏ lá thi ca Việt Nam: ai cũng nghĩ mình là cậu ông trời, nhưng thực ra toàn

là ếch (ngồi đáy giếng), ễnh ương (mồm rỗng kêu to), chàng hiu (núp trong bóng tối nhảy ra hù dọa những người yếu bóng vía). Có thể phức tạp: sự kết hợp và va chạm giữa quảng cáo và bài thơ, hình ảnh thật và hình ảnh TV và hình ảnh trên trang giấy, tiếng kêu của ếch giả trên TV và âm thanh thầm của ễnh ương trong ký ức—những nguồn động cơ khác nhau ảnh hưởng đến sự hình thành ý nghĩa từ mọi thứ xảy ra trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, mà chúng ta không để ý, hoặc không có thời giờ, để phân tích. Cũng có thể rất đơn giản: bợm nhậu xem bài thơ thấy thèm bia lạnh và đùi ếch chiên bơ. Và v.v. và v.v.

Tới đây chúng ta nhận thấy: bài thơ không quan trọng, tác giả còn kém quan trọng hơn, điều quan trọng nhất là người đọc và cách đọc. Sự sáng tạo của mỗi chủ quan không có nghĩa là mỗi người một cõi, mà đòi hỏi mỗi chúng ta phải nhận thấy là luôn luôn có những lối nhìn khác với chủ quan của mình. Và đó cũng là hy vọng của chúng ta trong thời hậu chiến.

NGUYỄN HOÀNG NAM

NẮ NG CHIA NỬA BÃI CHIỀU RỒI

Cái lo
Nó lãng mạn thôi
nhẹ nhàng
cái lười
nó cố lấn
cái dâm
cái dâm
nó bự gấp trăm cái lười
(không thấy trong sách "học làm người"
Bác thang lên hỏi ông trời ổng cũng chịu thua)
Yêu rồi mà
khỏi phân bua
nửa đêm vui vẻ chạy đi mua condoms
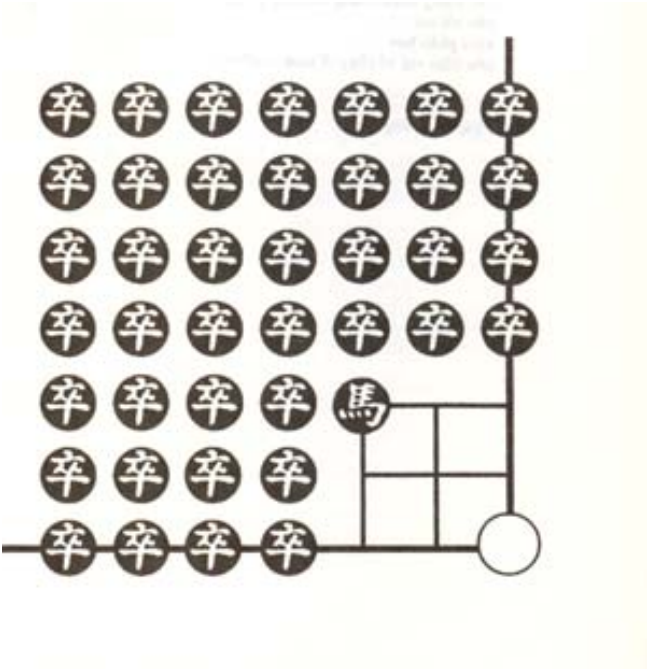
NHỮNG NGÀY VÔ CẢM